ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ TỰ TRỌNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ TỰ TRỌNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Dương Hữu Đức	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Dương Thị Hương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Hoàng Thị Ngoan	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Nguyễn Thanh Tâm	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
5	Vũ Thị Ngọc Lan	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
6	Vũ Thị Quyên	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
7	Thái Thị Phương Thảo	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
8	Trần Ngọc Minh	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
9	Lê Thị Lệ Thủy	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
10	Huỳnh Thị Phương Ngọc	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
11	Đào Thị Vân Thanh	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
12	Hà An Phú	Bí Thư chi Đoàn	Ủy viên Hội đồng	
13	Trần Văn Thể	Tổng Phụ trách Đội	Ủy viên Hội đồng	
14	Hồ Thị Phương	Tổ trưởng văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
15	Vũ Thị Phượng	Nhân viên vi tính	Ủy viên Hội đồng	
16	Trần Giang Nam	Nhân viên văn thư	Ủy viên Hội đồng	
17	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nhân viên thư viện	Ủy viên Hội đồng	
18	Trịnh Thị Kim Oanh	Nhân viên thiết bị	Ủy viên Hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNGTRANG

Danh mục chữ viết tắt 4

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá 6

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU 8

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ 15

A. ĐẶT VẤN ĐỀ 15

B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3 17

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường 17

Mở đầu 17

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường 18

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác 21

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường 26

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng 29

Tiêu chí 1.5: Lớp học 33

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản 35

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên 39

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục 43

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở 45

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học 47

Kết luận về Tiêu chuẩn 1 50

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh 51

Mở đầu 51

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng 51

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên 54
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên 58
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh 60
Kết luận về Tiêu chuẩn 2 62
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học 63
Mở đầu 63
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập 64
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập 66
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị 69
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước 71
Tiêu chí 3.5: Thiết bị 74
Tiêu chí 3.6: Thư viện 77
Kết luận về Tiêu chuẩn 3 79
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội 80
Mở đầu 80
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh 80
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường 83
Kết luận về Tiêu chuẩn 4 *86*
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục 87
Mở đầu 87
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 87
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện 90
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định 94
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 96
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh 99

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục 102

Kết luận về Tiêu chuẩn 5 108

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG 110

Phần IV.PHỤ LỤC 112

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung
BCH	Ban chấp hành
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDCD	Giáo dục công dân
CĐCS	Công đoàn cơ sở
CGQ	Chuẩn quốc gia
CNV	Công nhân viên
GV	Giáo viên
GVBM	Giáo viên bộ môn
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
CSVC	Cơ sở vật chất
HK	Học kì
HS	Học sinh
HCV	Huy chương vàng
HCB	Huy chương bạc
HCĐ	Huy chương đồng
HKPĐ	Hội khỏe Phù Đổng
HSG	Học sinh giỏi
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
NGLL	Ngoài giờ lên lớp
QĐ	Quyết định

TDTT	Thể dục thể thao
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TNCS	Thanh niên cộng sản
TNTP	Thiếu niên tiền phong
TTND	Thanh tra nhân dân
UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X		
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				

Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3		X		
Tiêu chí 3.4		X		
Tiêu chí 3.5		X		
Tiêu chí 3.6		X		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X		
Tiêu chí 5.4		X		
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X		

Kết quả: Đạt mức 1

2. Kết luận: Trường đạt mức 1

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Dương Hữu Đức
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Gò Vấp	Điện thoại	0982801809
Xã/ phường/thị trấn	16	Fax	Không
Đạt CQG	Không.	Website	thcslytutrong.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	11/8/1997	Số điểm trường	01
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Khối lớp 6	13	12	14	12	12
Khối lớp 7	10	11	11	12	12
Khối lớp 8	12	10	11	11	12
Khối lớp 9	12	11	09	10	11
Cộng	**47**	**44**	**45**	**45**	**47**

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	45	45	45	45	42	
1	Phòng học	38	38	38	38	33	
a	Phòng kiên cố	36	36	36	36	33	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
2	Phòng bộ môn	05	05	05	05	03	
a	Phòng kiên cố	05	05	05	05	03	

b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
3	Khối phục vụ học tập	02	02	02	02	06	
a	Phòng kiên cố	02	02	02	02	06	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	08	08	08	08	12	
1	Phòng kiên cố	08	08	08	08	12	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	00	00	00	00	02	
	Cộng	**54**	**54**	**54**	**54**	57	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại tháng 07/2021

	Tổng	**Nữ**	**Dân**	**Trình độ đào tạo**	**Ghi chú**

	số		**tộc**	Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	00	00	00	01	00	
Phó hiệu trưởng	02	02	00	00	01	01	
Giáo viên	75	56	01	08	64	03	
Nhân viên	24	11	00	00	24	00	
Cộng	**102**	6**9**	**01**	**08**	**90**	**0**4	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	**Số liệu**	**Năm học 2016-2017**	**Năm học 2017-2018**	**Năm học 2018-2019**	**Năm học 2019-2020**	**Năm học 2020-2021**
1	Tổng số giáo viên	77	78	76	75	75
2	Tỷ lệ giáo viên/ lớp	1,71	1,77	1,68	1,66	1,60
3	Tỷ lệ giáo viên/ học sinh	0,038	0,038	0,037	0,036	0,035
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	00	00	06	00	01
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	00	00	00	01	00

	(nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	2053	2035	2029	2091	2117	
	-*Nữ*	986	982	949	966	969	
	-*Dân tộc*	18	25	24	27	29	
	-*Khối lớp 6*	546	524	590	568	552	
	-*Khối lớp 7*	438	534	493	566	544	
	-*Khối lớp 8*	562	464	497	488	549	
	-*Khối lớp 9*	507	513	449	469	472	
2	Tổng số tuyển mới	536	508	582	585	567	
3	Học 2 buổi/ ngày	1290	1313	1370	1389	1344	
4	Bán trú	1006	1027	1137	1179	1128	
5	Nội trú	00	00	00	00	00	
6	Bình quân số học sinh/ lớp học	43,68	46,25	45,09	46,47	45,04	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi	100	100	100	100	100	

	học đúng độ tuổi						
	-*Nữ*	986	982	949	966	969	
	-*Dân tộc*	18	25	24	27	29	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	04	04	11	09	11	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	00	00	00	02	00	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	73	79	69	82	30	
	-*Nữ*	32	36	28	42	17	
	-*Dân tộc*	01	03	00	04	00	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	09	20	20	05	20	
12	Các số liệu khác (nếu	00	00	00	00	00	

	có)						

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	37,65%	35,18%	35,98%	41,75%	37,84%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	35,41%	34,55%	38,54%	38,45%	38,17%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	4,87%	4,42%	3,20%	1,91%	3,92%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	85,56%	89,63%	89,75%	90,96%	90,51%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	11,74%	10,31%	9,81%	8,85%	9,21%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	1,70%	0,05%	0,44%	0,19%	0,24%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của trường:

Trường THCS Lý Tự Trọng được thành lập vào tháng 8 năm 1997, đến năm học 1997-1998 chuyển tên thành Trường Trung học cơ sở bán công Lý Tự Trọng theo quyết định số 86/GD-ĐT/TC-QĐ ngày 12/8/1998, tại địa chỉ số 578 Lê Đức Thọ, Phường 16, quận Gò Vấp, là địa bàn có nhiều con em thuộc tầng lớp lao động. Năm học 2007-2008, trường chuyển tên thành Trường THCS Lý Tự Trọng theo quyết định số 650/QĐ-UBND quận Gò Vấp ngày 13/8/2007. Trường THCS Lý Tự Trọng vinh dự đạt Tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1 theo giấy công nhận số 192/GCN ngày 02 tháng 7 năm 2015 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 6 năm 2020, trường được xây dựng mới, cơ sở vật chất của nhà trường hiện nay đáp ứng khá tốt yêu cầu đổi mới giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, công nhân viên nhà trường đa số có trình độ đạt và trên chuẩn, có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết trong công tác. Chất lượng giáo dục của nhà trường được đánh giá tốt đồng thời nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các ban ngành, chính quyền địa phương, Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

Nhà trường có tổng cộng 33 phòng học, 03 phòng học bộ môn, 08 phòng chức năng và 12 phòng hành chính quản trị, trong đó có 01 phòng lab, 02 phòng máy vi tính với 90 máy có nối mạng Internet, 03 phòng thực hành thí nghiệm, phòng Thư viện, phòng Thiết bị, nhà bếp, căn tin. Nhà trường cũng đã trang bị được 02 máy Projector, 02 bảng tương tác, 36 màn hình LCD 42 inch tại các phòng học.

Hiện nay, trường đang thực hiện lớp học hai buổi/ngày có bán trú và cả lớp học một buổi/ngày, tập thể Hội đồng sư phạm Trường THCS Lý Tự Trọng thể hiện sự đồng lòng, chung sức, từng bộ phận, các đoàn thể đã phối hợp nhịp nhàng cho các hoạt động chung của nhà trường, gắn kết chặt chẽ với gia đình và xã hội. Bên

cạnh truyền thống vượt khó dạy tốt, học giỏi, Trường THCS Lý Tự Trọng là một trong những đơn vị luôn đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao, phong trào văn thể mỹ và hoạt động ngoài giờ lên lớp để giáo dục toàn diện cho HS.

Sứ mệnh nhà trường: Phát huy tối đa sở trường cá nhân của giáo viên để đưa đến học sinh phương pháp giáo dục hiện đại, kỹ năng truyền đạt sinh động. Xây dựng môi trường học tập thân thiện, tích cực, văn minh giúp học sinh phát triển tối đa năng lực, năng khiếu tiềm ẩn của cá nhân.

Tầm nhìn của trường: Xây dựng Trường THCS Lý Tự Trọng là một trong những trường tiên tiến. Môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có nền tảng tri thức phổ thông toàn diện, có nhân cách và trí tuệ thời đại, thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

2. Mục đích tự đánh giá:

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường là nhằm tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thông báo công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường; đề ra những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu chung và chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường. Thực hiện theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường THCS Lý Tự Trọng đã tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng theo quy định. Đây là bước khởi đầu quan trọng để nhà trường định hướng những vấn đề cần thiết trên con đường xây dựng nhà trường phát triển ngang tầm với các trường trong quận Gò Vấp.

3. Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá:

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường có 18 thành viên: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, thư ký Hội đồng trường, tổ trưởng các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Các thành viên

trong hội đồng được phân công theo nhóm nhằm thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí và viết phiếu đánh giá.

Trường THCS Lý Tự Trọng tiến hành công tác tự đánh giá theo quy trình:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá: từ ngày 18/5/2021 đến ngày 21/5/2021.

- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng: từ ngày 21/5/2021 đến ngày 29/5/2021.

- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí: từ ngày 29/5/2021 đến ngày 30/6/2021.

- Viết báo cáo tự đánh giá: từ ngày 30/6/2021 đến ngày 30/7/2021.

- Công bố báo cáo tự đánh giá: tháng 08/2021.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường căn cứ báo cáo tự đánh giá để thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng phát huy các điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đã đề ra trong từng tiêu chí. Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất, mọi quyết định chỉ có giá trị khi có ít nhất 2/3 số thành viên trong Hội đồng tự đánh giá nhất trí. Công cụ đánh giá được sử dụng là bộ Quy định về tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, gồm 05 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Tổ chức và quản lý tốt nhà trường là một trong những yếu tố quan trọng quyết định mức độ phát triển và thành công của đơn vị trong hoạt động giáo dục. Nhận thức được tầm quan trọng này, trong những năm qua, Trường THCS Lý tự

Trọng đã xây dựng và quản lý theo đúng yêu cầu và quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở hiện hành.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THCS Lý Tự Trọng xây dựng "Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THCS Lý Tự Trọng giai đoạn 2015 đến 2020"nhằm nâng cao chất lượng trong công tác giáo dục, giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản… bảo đảm cho học sinh có học

vấn nền tảng, hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông hoặc chương trình giáo dục nghề nghiệp. Phương hướng chiến lược được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại điều 29 Luật giáo dục [H1-1.1-01].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THCS Lý Tự Trọng giai đoạn 2015 đến 2020 và giai đoạn 2020 đến 2025 được xây dựng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội tại quận Gò Vấp nói chung và Phường 16 nói riêng. Theo Nghị quyết Đại hội đảng bộ quận Gò Vấp lần thứ XI nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã đặt ra mục tiêu: Ưu tiên phát triển các loại hình dịch vụ cao cấp trong cơ cấu kinh tế "Dịch vụ - Công nghiệp"; huy động các nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ gắn với bảo vệ môi trường; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, chăm lo an sinh xã hội; đảm bảo quốc phòng và an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu xây dựng quận Gò Vấp văn minh, giàu đẹp, nghĩa tình. Với những mục tiêu chung như vậy, Trường THCS Lý Tự Trọng đã đưa ra định hướng xây dựng một nhà trường đổi mới toàn diện theo hướng chuẩn hóa, xã hội hóa và hội nhập, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; đổi mới công tác quản lý, tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ quản lý học tập, nghiên cứu để không ngừng nâng cao trình độ, năng lực đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu xây dựng trường chuẩn quốc gia [H1-1.1-02].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THCS Lý Tự Trọng phù hợp với các nguồn lực hiện có của nhà trường: Đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo; Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn, có lý tưởng nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm; tích cực tham gia các hoạt động phong trào Đoàn Đội; Cơ sở vật chất đầy đủ, khang trang; Cha mẹ học sinh quan tâm hỗ trợ nhà trường trong công tác giáo dục; Với những nguồn lực đó nhà trường từng bước xây dựng và phát triển theo định hướng xây dựng trường có chất lượng giảng dạy nâng cao dần, đáp ứng yêu cầu của cha mẹ học sinh và yêu cầu chung của sự nghiệp giáo dục quận Gò Vấp [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THCS Lý Tự Trọng đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp phê duyệt và triển khai thực hiện trong thời gian qua [H1-1.1-01].

c) Nhà trường công khai Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THCS Lý Tự Trọng tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh tại bản tin nhà trường và đã đăng trên Website của trường http://www.thcslytutrong.hcm.edu.vn/ [H1-1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường tiến hành giám sát việc thực hiện "Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THCS Lý Tự Trọng giai đoạn 2015 đến 2020" trong năm học thông qua các đợt sơ kết vào cuối năm học; qua đó đánh giá kết quả đạt được, rút kinh nghiệm, điều chỉnh những biện pháp chưa hiệu quả, tiếp tục phát huy những biện pháp khả thi trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. [H1-1.1-04].

Mức 3:

Căn cứ kết quả đạt được cuối năm học và kết quả đánh giá bộ phận trong các đợt tự kiểm tra nội bộ; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tiến hành rà soát, đối chiếu với các chỉ tiêu trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường. Từ đó đề ra những điều chỉnh, bổ sung phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho năm học sau. "Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THCS Lý Tự Trọng giai đoạn 2015 đến 2020" đến thời điểm hiện nay từng bước được thực hiện, đảm bảo đúng tiến độ và chỉ tiêu đề ra [H1-1.1-05].

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được thực hiện trong các buổi họp hội đồng trường, họp hội đồng sư phạm, họp cha mẹ học sinh và các buổi sinh hoạt dưới cờ với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng. Tuy nhiên việc tham gia góp ý của học sinh, cha

mẹ học sinh và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa nhiều, chưa chủ động [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

"Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THCS Lý Tự Trọng giai đoạn 2015 đến 2020" có định hướng cụ thể, phù hợp với thực trạng của đơn vị, đáp ứng yêu cầu của cha mẹ học sinh và yêu cầu chung của sự nghiệp giáo dục quận Gò Vấp.

"Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THCS Lý Tự Trọng giai đoạn 2015 đến 2020 và giai đoạn 2020 - 2025" đến thời điểm hiện nay từng bước được thực hiện, đảm bảo đúng tiến độ và chỉ tiêu đề ra. Trong đó có những tiêu chí nhà trường đã đạt vượt tiến độ như: tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 2%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS 100%, hoạt động của các bộ phận và đoàn thể đều đã đạt so với mục tiêu đề ra đến năm 2022.

3. Điểm yếu

Việc tham gia xây dựng "Phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển Trường THCS Lý Tự Trọng giai đoạn 2015 đến 2020" được cha mẹ học sinh và cộng đồng quan tâm nhưng chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm, cán bộ quản lý căn cứ vào kế hoạch năm học của Phòng giáo dục quận Gò Vấp, để thực hiện bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho phù hợp với yêu cầu thực tế từng thời điểm. Tiếp tục giữ vững và phát huy những thành tích đã đạt được.

Khi xây dựng Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường giai đoạn 2015 – 2020 và giai đoạn 2020 - 2025, Hiệu trưởng tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 16 để được hỗ trợ tuyên truyền rộng rãi qua nhiều kênh thông tin, ghi nhận ý kiến đóng góp từ địa phương.

Phân công giáo viên chủ nhiệm phổ biến nội dung dự thảo phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đến cha mẹ học sinh trong các cuộc họp cha mẹ học sinh định kỳ hằng năm, đồng thời đăng tải nội dung lên cổng

thông tin điện tử của nhà trường. Tạo điều kiện, định hướng cho cha mẹ học sinh có thể góp ý trực tuyến hoặc trực tiếp các nội dung trong dự thảo phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường. Sau khi nhận được góp ý từ cha mẹ học sinh và cộng đồng, nhà trường tổng hợp ý kiến và bổ sung vào dự thảo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trườngTrường THCS Lý Tự Trọng được thành lập theo Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc công nhận thành viên hội đồng trường bậc THCS nhiệm kỳ 2019 – 2024. Hội đồng trường gồm: đại diện tổ chức: Đảng Cộng sản Việt Nam, Cán bộ quản lý, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ Văn phòng. Hội đồng trường có 13 thành viên [H1-1.2-01].

Hằng năm nhà trường ra quyết định thành lập các hội đồng khác theo Điều 21 Điều lệ trường trung học như:

Hội đồng thi đua và khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập và làm Chủ tịch; Các thành viên của Hội đồng thi đua và khen thưởng gồm: Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách

Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng và các giáo viên chủ nhiệm lớp [H1-1.2-02];

Các thành viên của Hội khoa học cấp trường gồm: Hiệu trưởng (Phó Hiệu trưởng được ủy quyền), Kế toán trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Trưởng ban thanh tra nhân dân [H1-1.2-02].

Ngoài ra trong nhà trường còn có các hội đồng khác như:

Hội đồng khoa học cấp trường do do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp ra quyết định thành lập; Các thành viên của Hội khoa học cấp trường gồm: Hiệu trưởng giữ vai trò Chủ tịch hội đồng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, thư ký hội đồng trường, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng [H1-1.2-02];

Hội đồng tuyển sinh các trường THCS do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp ra quyết định công nhận. Các thành viên của Hội đồng tuyển sinh gồm: Hiệu trưởng giữ vai trò Chủ tịch hội đồng, Phó Hiệu trưởng, Thư ký Hội đồng, Chủ tịch Công đoàn, thư ký hội đồng trường, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, nhân viên học vụ [H1-1.2-03];

Hội đồng xét tốt nghiệp THCS do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp ra quyết định thành lập. Các thành viên của Hội đồng tuyển sinh gồm: Hiệu trưởng giữ vai trò Chủ tịch hội đồng, Phó Hiệu trưởng, Thư ký Hội đồng, Chủ tịch Công đoàn, tổng phụ trách Đội, thư ký hội đồng trường, giáo viên chủ nhiệm khối 9 [H1-1.2-04].

b) Hội đồng trường chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục theo Quy định tại Điều 20 của Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Điều lệ Trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.2-05]; [H1-1.1-06];

Hội đồng thi đua và khen thưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường [H1-1.2-06]; Hội đồng tuyển sinh thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp [H1-1.2-07]; Hội đồng xét tốt nghiệp THCS có nhiệm vụ xét và đề nghị công nhận hoàn thành Tốt nghiệp bậc THCS cho học sinh lớp 9 [H1-1.2-08]; Hội đồng khoa học trường có nhiệm vụ chấm và xếp loại sáng kiến của cán bộ - giáo viên - công nhân viên [H1-1.2-09];

Hội đồng hủy hóa đơn thực hiện thủ tục hủy hóa đơn cung ứng dịch vụ theo điều 27 Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính [H1-1.2-10].

c) Hội đồng trường tổ chức họp định kỳ 01 lần/tháng để đánh giá hoạt động đã thực hiện và triển khai thực hiện phương hướng hoạt động theo mục tiêu chiến lược phát triển nhà trường trong từng giai đoạn, thực hiện kế hoạch năm học, giải quyết những vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; ngoài ra còn tổ chức các buổi họp đột xuất khi cần để giải quyết những vấn đề phát sinh [H1-1.1-06].

Hội đồng thi đua và khen thưởng được thành lập vào đầu mỗi năm học. Hội đồng tổ chức họp định kỳ 01 lần / quý để thực hiện xét thi đua cho Cán bộ - Giáo viên – Công nhân viên nhà trường. Cuối học kỳ và cuối năm học, Hội đồng thi đua và khen thưởng tổ chức họp xét duyệt danh hiệu thi đua và đề nghị khen thưởng cho học sinh có thành tích tốt trong học tập cũng như các hoạt động khác. Thực hiện sơ kết, tổng kết công tác thi đua và khen thưởng vào cuối học kỳ và cuối năm học [H1-1.2-06].

Hội đồng khoa học cấp trường được thành lập vào đầu mỗi năm học và hết hiệu lực khi công tác chấm và xếp loại các sáng kiến của Cán bộ - Giáo viên – Công nhân viên nhà trường kết thúc. Hội đồng khoa học cấp trường tổ chức họp định kỳ 02 lần/ năm để rà soát, giải quyết những vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ [H1-1.2-09].

Hội đồng tuyển sinh được thành lập tại thời điểm tuyển sinh đầu cấp cho mỗi năm học và hết hiệu lực khi công tác tuyển sinh kết thúc. Các hoạt động rà soát, báo cáo được thực hiện theo yêu cầu thực tế hằng năm. Có thực hiện báo cáo tổng kết khi công tác tuyển sinh kết thúc [H1-1.2-07].

Hội đồng xét tốt nghiệp thường được thành lập vào cuối năm học và hết hiệu lực khi công tác xét tốt nghiệp THCS kết thúc. Các hoạt động rà soát, báo cáo được thực hiện theo yêu cầu thực tế hằng năm [H1-1.2-08].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Các thành viên trong Hội đồng trường thực hiện tốt việc giám sát thường xuyên; có các góp ý điều chỉnh, nâng cao hiệu quả công tác như: Tổ trưởng chuyên môn đưa ra các cải tiến nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn; đẩy mạnh chất lượng sinh hoạt chuyên môn, nâng cao chất lượng nhà trường. Tuy nhiên, hằng năm có một số thành viên của Hội đồng trường thay đổi do điều động công tác nên việc giám sát hoạt động nhà trường còn gặp khó khăn [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập đầy đủ. Hội đồng trường làm việc theo Nghị quyết, công khai dân chủ và tạo được sự đồng thuận trong nhà trường; các Hội đồng khác làm tốt nhiệm vụ được phân công góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng phát triển của nhà trường.

3. Điểm yếu

Thành viên của Hội đồng trường thường thay đổi do các yếu tố khách quan như: thay đổi chức danh, chuyển nơi công tác nên khó khăn trong công tác giám sát việc thực hiện mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì tốt các hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng khác và các Hội đồng tư vấn để các hội đồng phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, tư vấn của các hội đồng trong nhà trường.

Hằng năm Hiệu trưởng quán triệt đến từng thành viên trong Hội đồng trường nắm vững về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để mỗi thành viên tích cực phát huy vai trò trong việc đề xuất các giải pháp góp phần phát triển nhà trường.

Trong giai đoạn 2021 – 2022, nhà trường sẽ bổ sung thành phần đại diện của học sinh, đại diện cha mẹ học sinh, đại diện Ủy ban nhân dân Phường 16 theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT,ngày 15 tháng 9 năm 2020.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Công đoàn cơ sở Trường THCS Lý Tự Trọng được thành lập với 95 thành viên trong có 01 chủ tịch công đoàn, 01 phó chủ tịch công đoàn và 03 ủy viên. Công đoàn cơ sở Trường THCS Lý Tự Trọng hiện nay gồm có 09 tổ công đoàn với 95 công đoàn viên [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được Ban chấp hành Đoàn Phường 16 chuẩn y nhân sự Ban chấp hành Chi đoàn theo từng nhiệm kỳ với 3 thành viên. Chi đoàn Trường THCS Lý Tự Trọng hiện nay có 22 đoàn viên giáo viên [H1-1.3-03].

Liên đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh Trường THCS Lý Tự Trọng được thành lập theo từng nhiệm kỳ, được Hội đồng đội quận Gò Vấp chuẩn y. Ban chấp hành Liên đội hiện nay gồm 01 Liên Đội trưởng, 02 Liên đội phó và 12 ủy viên, Tổng phụ trách là thầy Trần Văn Thể từ năm 2014 đến nay. Liên đội gồm 47 chi đội với 2117 đội viên [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

b) Các tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và chỉ đạo của cấp trên theo nghị quyết hằng tháng. Bên cạnh đó các tổ chức đoàn thể đảm bảo hoạt động đúng quy định: Công đoàn hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam, Chi đoàn hoạt động theo điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đội hoạt động theo điều lệ Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh góp phần cùng với nhà trường đẩy mạnh các hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

c) Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội hằng tháng đều có sinh hoạt định kỳ mỗi tháng 1 lần, sơ kết sau mỗi học kỳ; mỗi năm học và cuối nhiệm kỳ tiến hành tổng kết rà soát đánh giá rút kinh nghiệm đồng thời bổ sung kế hoạch hoạt động thời gian tới [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường THCS Lý Tự Trọng được thành lập theo Quyết định số 05-QĐ/ĐU ngày 1/7/2010 của Đảng ủy Phường 16, quận Gò Vấp, trực thuộc Đảng ủy Phường 16. Năm 2021, Chi bộ có 22 đảng viên với cơ cấu tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá chi bộ luôn đạt thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-12]; [H1-1.3-13]; [H1-1.3-14].

b) Các đoàn thể có đóng góp tích cực trong các hoạt động nhà trường. Công đoàn nhiều năm liền làm tốt công tác tổ chức hoạt động và tạo điều kiện, phân công đoàn viên tham gia hoạt động; động viên và hướng các hoạt động vào mục tiêu giáo dục, bồi dưỡng, đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính trị, tinh thần và kinh tế, giữ mối liên hệ mật thiết giữa đoàn viên và cán bộ công đoàn, giữa đoàn viên và tổ chức công đoàn [H1-1.3-09].

Chi đoàn là đội ngũ xung kích trong các hoạt động đổi mới, tích cực đi đầu trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-10].

Liên Đội tích cực giáo dục học sinh theo "Năm điều Bác Hồ dạy" giúp các em phấn đấu thành con ngoan trò giỏi, Đội viên tốt [H1-1.3-11].

Mức 3:

a) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ luôn đạt "hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên cụ thể như sau: năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 đạt chi bộ "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" [H1-1.3-15].

b) Các tổ chức đoàn thể khác có đóng góp hiệu quả, thường xuyên phối hợp tổ chức các cho giáo viên và học sinh trong các hoạt động trong nhà trường. Ngoài các hoạt động tại đơn vị, các đoàn thể trong nhà trường còn thường xuyên tham gia các hoạt động ở địa phương: Liên Đội phối hợp với đoàn phương và quận đoàn tạo điều kiện cho Đội viên tham gia các hoạt động của địa phương như "chỉ huy đội giỏi", "Thanh thiếu nhi quận Gò Vấp vì biên giới, biển đảo", chương trình về nguồn… Chi đoàn phối hợp với đoàn Phường 16 thăm gia đình chính sách, trồng cây xanh, dọn vệ sinh, phân loại rác thải trên địa bàn phường. Công đoàn trường tham gia đi bộ đồng hành, Ngày hội trồng cây, hoạt động mùa xuân, chăm lo cho

Công đoàn viên khó khăn trên địa bàn quận và nhiều hoạt động khác do Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp phát động tổ chức. Với nhiều hoạt động tích cực, đóng góp cho địa phương phường, quận nhiều thành tích nên nhiều năm liền các tổ chức đoàn thể của nhà trường luôn được đánh giá cao: Công đoàn vững mạnh xuất sắc; Chi đoàn vững mạnh, Liên đội xuất sắc. Tuy nhiên mô hình hoạt động của Đoàn, Đội chưa có tính đặc thù riêng [H1-1.3-16]; [H1-1.3-17]; [H1-1.3-18].

2. Điểm mạnh

Tổ chức đảng và các đoàn thể của trường có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động trong nhà trường và địa phương. Chi bộ lãnh đạo tốt các hoạt động của nhà trường; các đoàn thể có sự phối hợp tốt với chính quyền trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng góp phần quan trọng giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chi bộ nhiều năm liền đạt trong sạch vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Hoạt động của các đoàn thể chưa thật sự đa dạng, chưa có đặc thù riêng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 – 2021, Ban chấp hành Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội sẽ tổ chức cho đoàn viên, đội viên thành viên tham gia hiến kế để có thể đưa ra nhiều mô hình hoạt động mới đa dạng, phong phú hợp với tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên và đội viên để thu hút sự tham gia tích cực hơn của đoàn viên, đội viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường hiện có 03 cán bộ quản lý được UBND quận Gò Vấp bổ nhiệm, đảm bảo yêu cầu định mức số lượng đối với trường THCS có từ 28 lớp trở lên đối với trung du, đồng bằng, thành phố được quy định tại Điều 7 Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 [H1-1.4-02].

b) Nhà trường có 01 tổ Văn phòng và 09 tổ chuyên môn gồm các tổ: Ngữ văn; Sử - Địa – Giáo dục công dân; Tiếng Anh; Toán; Lý – Hóa, Tin học; Sinh học, Công nghệ; Văn thể mỹ. Mỗi tổ chuyên môn có 01 tổ trưởng; riêng các tổ Ngữ văn, Toán, Lý – Hóa, Tiếng Anh,Văn phòng có thêm 01 tổ phó do có trên 10 thành viên. Tổ trưởng và tổ phó chuyên môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và giao nhiệm vụ vào đầu năm học. Tổ văn phòng và tổ chuyên môn chịu sự quản lý, chỉ đạo của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng [H1-1.2-02].

c) Vào đầu mỗi năm học, các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ. Kế hoạch hoạt động của tổ

được xây dựng theo năm, tháng, tuần với nội dung triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động khác. Các tổ chuyên môn trong nhà trường bám sát sự chỉ đạo của cấp trên và kế hoạch của nhà trường để thực hiện nhiệm vụ theo Điều 16 - Điều lệ Trường trung học [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Tổ Văn phòng xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Hiệu trưởng: Văn thư bảo quản an toàn – khoa học, phối hợp cùng giáo viên kiểm tra các loại hồ sơ theo quy định. Kế toán tài vụ quản lý tài chính, cập nhật thu chi đúng quy định. Nhân viên thiết bị, vi tính, thư viện lập kế hoạch dự trù mua sắm, bổ sung thay thế những vật dụng hư hỏng hoặc tự làm thêm đồ dùng dạy học, giới thiệu sách, đồ dùng dạy học mới đến với giáo viên; quản lý, bảo trì thường xuyên tài sản do mình phụ trách. Nhân viên bảo vệ và phục vụ đảm bảo an toàn an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, bảo vệ tài sản, vệ sinh môi trường. Y tế chăm sóc sức khỏe cán bộ, giáo viên, học sinh, giáo dục thể chất; y tế trường học, kiểm tra vệ sinh môi trường, lập kế hoạch mua sắm thuốc y tế, quản lý hồ sơ y tế học đường… [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Mỗi năm học, các tổ chuyên môn đều phân công các thành viên viết ít nhất 01 chuyên đề / 1 tổ để các tổ nhóm sinh hoạt, xây dựng, đóng góp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-08].

b) Tổ/nhóm chuyên môn sinh hoạt mỗi tháng 2 lần nhằm xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường. Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, các tổ chuyên môn định kỳ rà soát đánh giá và điều chỉnh về đổi mới phương pháp, đổi mới kiểm tra, đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Tuy nhiên các tổ ghép bộ môn còn gặp khó khăn trong việc quản lý và tổ chức sinh hoạt chuyên môn (thời gian dự giờ, báo cáo chuyên đề…) [H1-1.4-09]; [H1-1.4-10].

Tổ Văn phòng định kỳ họp mỗi tháng 1 lần, rà soát đánh giá công việc đã thực hiện trong tháng trước, điều chỉnh những việc chưa thực hiện được và đề ra kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-09].

Mỗi năm học, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng họp chấm thi đua, đánh giá và xếp loại thi đua cá nhân theo 03 đợt. [H1-1.4-09].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. Giáo viên trong các tổ lên các giờ dạy tốt trong các đợt hội giảng 20-11. Các tổ chuyên môn tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm các giờ dạy; Hằng tuần, hằng tháng, các giáo viên dự giờ các đồng nghiệp để học hỏi, cùng nhau trao đổi chuyên môn; tham gia giao lưu chuyên môn với các trường [H1-1.4-11];

Tổ Văn phòng nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý hành chính. Triển khai thực hiện hồ sơ điện tử quản lý công tác nhân sự, tài chính, văn thư, học vụ, quản lý sức khỏe học sinh trên các chương trình phần mềm rút ngắn thời gian xử lý công việc, nâng cao hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường [H1-1.4-11].

b) Các chuyên đề của tổ chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Các chuyên đề là tài liệu tham khảo cho giáo viên và học sinh trong quá trình dạy và học. Giúp giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn đạt kết quả tốt trong các kỳ thi Giáo viên giỏi cấp Quận và cấp Thành phố. Giúp học sinh đạt kết quả cao hơn trong học tập: tỷ lệ học sinh giỏi tăng, tỷ lệ học sinh yếu kém giảm [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động tích cực, hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Các tổ chuyên môn ghép bộ môn còn gặp khó khăn trong việc quản lý và tổ chức sinh hoạt chuyên môn (dự giờ, báo cáo chuyên đề…)

4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục phát huy thế mạnh trong hoạt động sinh hoạt tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Nâng cao hiệu quả trong hoạt động giáo dục và hành chánh giúp hoạt động của nhà trường ngày một tốt hơn.

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng điều chỉnh cơ cấu tổ chức và nề nếp hoạt động các tổ chuyên môn nhằm ổn định hoạt động của nhà trường. Thực hiện ghép tổ khoa học, theo định hướng chương trình Giáo dục phổ thông 2018, Phó Hiệu trưởng chuyên môn sẽ sắp xếp thời khóa biểu giảng dạy phù hợp đối với giáo viên ở các tổ ghép nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt tổ chuyên môn. Tăng cường kiểm tra, dự giờ, đánh giá việc thực hiện báo cáo chuyên đề ở các tổ và việc áp dụng vào tiết dạy của toàn thể giáo viên nhà trường.

5. **Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ 4 khối lớp từ khối 6 đến khối 9 từ thời điểm thành lập trường đến nay. Năm học 2020 – 2021 nhà trường có đủ 4 khối lớp gồm: khối 6: 12 lớp, khối 7: 12 lớp, khối 8: 12 lớp, khối 9: 11 lớp [H1-1.5-01].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp, lớp học được tổ chức tuân thủ theo Điều 15 Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Học sinh ở các lớp được bố trí một cách khoa học, hợp lý và đều được quản lý chặt chẽ thông qua đội ngũ cán bộ lớp. Cán bộ lớp gồm: 01 lớp trưởng, 02 lớp phó do tập thể lớp bầu ra từ đầu năm học. Mỗi lớp được chia thành nhiều tổ và có tổ trưởng chịu trách nhiệm. Mỗi lớp học có một giáo viên làm chủ nhiệm và giảng dạy chuyên môn ở lớp đó [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

c) Lớp học theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Các hoạt động của lớp trong năm học đều được xây dựng, lấy ý kiến của tất cả các học sinh trong lớp [H1-1.5-04].

Mức 2:

Năm học 2020 – 2021 nhà trường có 47 lớp học, sĩ số học sinh bình quân trong lớp là 45 học sinh (từ 38 đến 50 học sinh), cao hơn so với Điều 15 Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.5-02].

Mức 3:

Trường có hơn 45 lớp, số học sinh ở một số lớp còn cao vượt quá 40 học sinh/ lớp [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức xếp lớp khoa học, phân bố đối tượng học sinh đủ mọi trình độ để giáo viên linh hoạt vận dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực, cũng như khuyến khích sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các học sinh. Từ đó, phát huy tính tích cực chủ động của học sinh trong học tập cũng như các hoạt động giáo dục khác.

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Ban cán sự lớp do tập thể lớp tín nhiệm và bầu ra, các hoạt động của lớp trong năm học đều được xây dựng, lấy ý kiến của tất cả các học sinh trong lớp.

3. **Điểm yếu**

Vẫn còn có lớp sĩ số học sinh trên 40 học sinh.

4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục thực hiện xếp lớp một cách khoa học. Đầu mỗi năm học mới, tùy tình hình thực tế mà Ban lãnh đạo nhà trường thực hiện tách lớp, xếp lớp sao cho khoa học nhất.

Đặc biệt, cuối mỗi năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng dự báo quy mô số lớp, số học sinh trong năm học tiếp theo để tham mưu lãnh đạo các cấp quan tâm giảm chỉ tiêu tuyển sinh lớp 6, tăng cường cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giáo viên đáp ứng yêu cầu công tác giáo dục của nhà trường.

5. **Tự đánh giá:** Đạt mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định tại Điều 27 Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học gồm:

Đối với nhà trường: Sổ đăng bộ [H1-1.5-01]; Sổ theo dõi học sinh chuyển đi,chuyển đến [H1-1.6-01]; Sổ theo dõi phổ cập giáo dục [H1-1.6-02]; Sổ gọi tên và ghi điểm [H1-1.5-02]; Sổ ghi đầu bài [H1-1.6-03]; Học bạ học sinh [H1-1.6-04]; Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ [H1-1.6-05]; Hồ sơ thi đua [H1-1.2-06]; Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên [H1-1.6-06]; Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến [H1-1.6-07]; Sổ quản lý tài sản [H1-1.6-08], Sổ quản lý thiết bị giáo dục [H1-1.6-09]; Sổ quản lý tài chính [H1-1.6-10]; Hồ sơ quản lý thư viện [H1-1.6-11]; Hồ sơ theo dõi sức khoẻ học sinh [H1-1.6-12]; Hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật [H1-1.6-13].

Đối với tổ chuyên môn: Kế hoạch chuyên môn [H1-1.4-04]; Biên bản họp tổ [H1-1.4-09]; Biên bản họp nhóm [H1-1.4-10].

Đối với giáo viên: Giáo án [H1-1.6-14]; Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn [H1-1.6-15]; Sổ dự giờ [H1-1.6-16]; Sổ điểm cá nhân [H1-1.6-17]; Sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp) [H1-1.5-04].

Hệ thống hồ sơ được lưu trữ đầy đủ và khoa học theo Luật Lưu trữ. Các hồ sơ hành chính được lưu trữ tại văn phòng. Hồ sơ quản lý tài chính (các chứng từ thu chi và thanh toán trong năm) và tài sản cũng được lưu trữ và bảo quản khoa học theo đúng nguyên tắc tài chính.

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, tài chính, tài sản nhà nước theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

điều của nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước [H1-1.6-18].

Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị được giao cho bộ phận kế toán thực hiện theo quy định tại Mục VII Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng rõ ràng, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị hằng năm, phù hợp với các quy định hiện hành và có hiệu lực sau khi đã thống nhất trong Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động [H1-1.6-19].

Ban kiểm tra nội bộ trường học thực hiện công tác kiểm tra nội bộ hằng năm, trong đó có nội dung kiểm tra tài chính và tài sản của nhà trường. Bộ phận kế toán thực hiện công khai tài chính định kỳ theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ [H1-1.6-20].

c) Hằng năm, bộ phận tài chính, các tổ chuyên môn tham mưu với Hiệu trưởng việc đề xuất mua sắm, sửa chữa thiết bị giáo dục, cơ sở vật chất đáp ứng tốt cho hoạt động giáo dục của nhà trường. Việc quản lý, sử dụng tài chính tài sản được thực hiện chặt chẽ: Hồ sơ tài chính được cập nhật đầy đủ, báo cáo quyết toán hằng năm đúng quy định. Việc mua sắm và thanh lý tài sản đều được quản lý, theo dõi, cập nhật trên hệ thống và hồ sơ sổ sách quản lý tài sản đúng quy định. Tài chính, tài sản nhà trường được sử dụng một cách hiệu quả, tiết kiệm [H1-1.6-08]; [H1-1.6-18]; [H1-1.6-20]; [H1-1.6-21]; [H1-1.6-22].

Mức 2:

a) Nhà trường đã triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường từ nhiều năm nay. Một số phần mềm nhà trường đang sử dụng như: phần mềm quản lý nhân sự (Epmis), phần mềm Cán bộ công chức của phòng nội vụ, phần mềm quản lý tài chính, tài sản (Imas), phần mềm quản lý nhà trường. Việc sử dụng các phần mềm

hỗ trợ đã rút gọn thời gian xử lý công việc, đảm bảo tính chính xác, nâng cao hiệu quả công tác trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường [H1-1.6-23]; [H1-1.6-24]; [H1-1.6-25]; [H1-1.6-26].

b) Hằng năm, bộ phận kế toán đều thực hiện báo cáo quyết toán với phòng Tài chính kế hoạch quận Gò Vấp. Định kỳ hằng năm phòng giáo dục thanh kiểm tra về công tác quản lý hành chính, công tác thu đầu năm, công tác quản lý tài chính, tài sản… Kết quả trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-22].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định, hệ thống hồ sơ được lưu trữ đầy đủ, khoa học, đảm bảo an toàn theo đúng Luật Lưu trữ. Thực hiện niêm yết công khai và định kỳ hằng năm tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Nhà trường luôn thực hiện đúng và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí trong và ngoài ngân sách đảm bảo phục vụ tốt nhất cho các hoạt động giáo dục, thực hiện đúng Luật Ngân sách Nhà nước. Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không để xảy ra vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Nhà trường thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin qua sử dụng các phần mềm quản lý văn bản, quản lý tài chính, tài sản; góp phần nâng cao hiệu quả công tác trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường hiện nay. Đặc biệt, nhà trường đã thực hiện phần mềm thu tiền không sử dụng tiền mặt tạo điều kiện tốt nhất cho cha mẹ học sinh khi đóng các khoản thu.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản theo đúng quy định của Nhà nước. Đầu năm học, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, phân công và thực hiện công tác tự kiểm tra nội bộ bao gồm kiểm tra hệ thống hồ sơ lưu trữ, công tác tài chính, quản lý tài sản.

Hiệu trưởng tăng cường công tác quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả. Đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao và phù hợp với hoạt động đặc thù của đơn vị. Chỉ đạo Ban Thanh tra Nhân dân theo dõi việc thực hiện quy chế dân chủ, công khai tài chính tại đơn vị; không để xảy ra vi phạm liên quan đến công tác quản lý tài chính, tài sản.

Trong năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng phối hợp với Hội đồng trường nghiên cứu, đề xuất và thực hiện các giải pháp ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phục vụ xây dựng nhà trường đẩy mạnh công tác phát triển giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên theo sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp. Cán bộ quản lý nhà trường lên kế hoạch và cử cán bộ, giáo viên, công nhân viên tham gia các lớp: Đại học, Thạc sỹ, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, trung cấp chính trị, bồi dưỡng kiến thức "Quốc phòng An ninh", ngoài ra còn có các đợt tập huấn chuyên môn nghiệp vụ khác do Sở GD&ĐT Tp. Hồ Chí Minh và Phòng GD&ĐT quận Gò Vấp tổ chức [H1-1.4-03]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

b) Theo Điều lệ trường Trung học, hằng năm dựa trên tham mưu của các thành viên trong Hội đồng trường, Hiệu trưởng ra quyết định phân công công tác đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường. Việc phân công được Hội đồng trường thảo luận góp ý đảm bảo sự phân công rõ ràng, hợp lý, phù hợp với năng lực và sở trường công tác của từng cá nhân, đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động của nhà trường [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07]; [H1-1.2-02]; [H1-1.7-03].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền lợi hợp pháp theo quy định. Được tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; được tạo điều kiện để tham gia giảng dạy hoặc giáo dục học sinh [H1-1.7-03]. Nhà trường thực hiện tốt các chính sách phát triển đội ngũ: thăng hạng chức danh nghề nghiệp, chế độ tiền lương và các phụ cấp theo lương, trợ cấp khác; đánh giá, khen thưởng nhằm tạo động lực cho đội ngũ chuyên tâm với nghề. Thực hiện tốt, phát huy hiệu quả việc chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh [H1-1.6-19].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Các

bộ phận chuyên môn tạo điều kiện thuận lợi về thời gian để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp nâng cao chất lượng đội ngũ bộ phận chuyên môn tạo điều kiện cho giáo viên hoàn thiện các tiêu chuẩn theo yêu cầu của hạng chức danh nghề nghiệp để đảm bảo việc thi/xếp nâng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên theo quy định. Tuy nhiên hiện nay tại đơn vị vẫn còn 08 giáo viên đạt trình độ chuyên môn bậc đại học [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.7-02].

Nhà trường có các biện pháp thi đua, khích lệ tinh thần, tạo động lực để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường như: Chấm thi đua, khen thưởng các cá nhân tập thể đạt được thành tích tốt…Từ năm 2018, việc thực hiện xét chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân thành phố cũng góp phần tạo động lực cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên phát huy năng lực của mình trong công tác [H1-1.6.19].

Làm tốt công tác quy hoạch đội ngũ kế cận, tạo điều kiện cho các đối tượng này tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng tổ trưởng chuyên môn, bồi dưỡng cán bộ quản lý.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên hằng năm.

Nhà trường có kế hoạch phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với sở trường và năng lực tạo điều kiện cho đội ngũ phát huy năng lực của mình.

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền lợi hợp pháp theo quy định. Thực hiện tốt các chính sách phát triển đội ngũ: học tập nâng cao năng lực bản thân, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, chế độ tiền lương và các phụ cấp theo lương, trợ cấp khác.

Thực hiện tốt, phát huy hiệu quả việc chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân thành phố. Đánh giá, khen thưởng kịp thời tạo động lực cho đội ngũ chuyên tâm với nghề.

3. Điểm yếu

Hiện nay tại đơn vị vẫn còn 08 giáo viên chưa đạt trình độ chuyên môn bậc đại học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đầu năm học, Hiệu trưởng dựa trên phương hướng nhiệm vụ của Phòng GD&ĐT quận Gò Vấp để xây dựng kế hoạch công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên nhà trường. Giao bộ phận kế toán lên dự trù kinh phí hỗ trợ cho cá nhân tham gia các lớp học chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng chính trị, nâng cao trình độ.

Mỗi năm học, Hiệu trưởng thực hiện báo cáo tổng kết công tác bồi dưỡng đội ngũ để kịp thời có kế hoạch nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho CB-GV-CNV.

Tiếp tục triển khai đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ, giáo viên công nhân viên vào cuối mỗi quý. Thực hiện tốt, phát huy hiệu quả việc chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân thành phố. Đánh giá, khen thưởng kịp thời. Triển khai đưa nội dung tham gia đăng ký học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng chính trị của cá nhân thành một tiêu chí đánh giá thi đua nhằm đẩy mạnh công tác tự học, tự rèn trong nhà trường.

Thực hiện rà soát các cá nhân thuộc đối tượng cần bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, giao trách nhiệm Công đoàn làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các đối tượng này tham gia học tập bồi dưỡng theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường được xây dựng dựa trên Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông; các văn bản, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục hằng năm của Sở GD&ĐT Tp. Hồ Chí Minh, Phòng GD&ĐT quận Gò Vấp [H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục được xây dựng hằng năm trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng, biên chế năm học, khung chương trình môn học và các quy định hiện hành. Chủ động xây dựng kế hoạch chuyên môn nhà trường, kế hoạch môn học theo định hướng đổi mới; thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục một cách chủ động, linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tình hình của nhà trường [H1-1.4-03]; [H1-1.8-01].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục bao gồm: tổ chức dạy hai buổi/ ngày và các lớp một buổi/ ngày [H1-1.8-02], giáo dục ngoài giờ lên lớp [H1-1.8-03], tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo [H1-1.8-04], tổ chức dạy kỹ năng sống [H1-1.8-05], tổ chức dạy năng khiếu thể dục thể thao theo hình thức câu lạc bộ [H1-1.8-06], phối hợp Nhà thiếu nhi tổ chức dạy bơi lội [H1-1.8-07], tổ chức dạy tiếng Anh với người nước ngoài [H1-1.8-08], tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi phụ đạo học sinh yếu [H1-1.8-09], kế hoạch giáo dục hướng nghiệp dạy nghề phổ thông [H1-1.8-10], …

c) Các tổ bộ môn tiến hành thảo luận, rà soát và thống nhất kế hoạch hoạt động giáo dục trong các buổi họp tổ nhóm định kỳ hằng tháng. Cán bộ quản lý cùng các tổ trưởng chuyên môn thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường thông qua các buổi dự giờ thăm lớp, kiểm tra kế hoạch cá nhân, giáo án của giáo viên theo định kỳ; đề xuất điều chỉnh kế hoạch giáo dục (nếu có) kịp thời và phù hợp với điều kiện thực tế. Nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ trong đó có công tác quản lý các hoạt động giáo dục. Tuy nhiên có một vài kế hoạch giáo dục đôi lúc chưa rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07]; [H1-1.4-09]; [H1-1.4-10]; [H1-1.8-11]; [H1-1.8-12]; [H1-1.8-13].

Mức 2:

Hằng năm, Phòng GD&ĐT quận Gò Vấp về kiểm tra định kỳ và đánh giá công tác chỉ đạo; kiểm tra, đánh giá nhà trường đối với các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả [H1-1.8-14].

Việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm: Trường thực hiện tổ chức dạy thêm, học thêm theo quy định, đến năm học 2019 - 2020 thì nhà trường không có hoạt động dạy thêm trong nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng, biên chế năm học, khung chương trình môn học và các quy định hiện hành.

Trên cơ sở kế hoạch giáo dục hằng năm, nhà trường đã thực hiện tốt việc thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ và các chương trình giáo dục khác trong nhà trường. Từ năm 2018, trường không có hoạt động dạy thêm trong nhà trường. Chương trình giáo dục trong nhà trường thường xuyên được rà soát, đánh giá và điều chỉnh kịp thời và được Phòng GD&ĐT quận Gò Vấp đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Có một vài kế hoạch giáo dục đôi lúc chưa rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Đầu năm học dựa vào các văn bản chỉ đạo của cấp trên, Hiệu trưởng phân công các Phó Hiệu trưởng, trưởng bộ môn xây dựng kế hoạch giáo dục năm học. Dựa trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng, biên chế năm học, khung chương trình môn học và các quy định xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch môn học theo định hướng đổi mới, theo công văn 5512/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 18 tháng 12 năm 2020..

Thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh các kế hoạch giáo dục một cách kịp thời và đầy đủ.

5. **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, Hiệu trưởng phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động. Từ đó tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm

theo Quyết định số 04/2000/QĐ – BGDĐT ngày 01/03/2000 của Bộ GDĐT [H1-1.9-01].

b) Nhận thức rõ vai trò của việc giải quyết các khiếu nại tố cáo, kiến nghị phản ánh nên nhà trường luôn thực hiện theo đúng quy trình. Trong quá trình giải quyết, Hiệu trưởng nhà trường luôn thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ khách quan, để làm rõ nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo; kết luận rõ đúng, sai, từ đó đề ra phương án giải quyết phù hợp, có lý, có tình. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết các kiến nghị đôi lúc chưa kịp thời [H1-1.9-02].

c) Định kỳ hằng năm, nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở về Liên đoàn lao động quận Gò Vấp [H1-1.9-03].

Mức 2:

Trường có Ban thanh tra nhân dân có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ tại cơ quan theo điều 29 của Nghị định 99/2005/CP ngày 28/7/2005 của Chính phủ. Hằng năm, ban TTND căn cứ vào nghị quyết của Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động và chỉ đạo của BCH CĐCS để xây dựng chương trình Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động, thực hiện chế độ họp định kỳ mỗi quý một lần, báo cáo tổng kết hoạt động trước Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động … nhằm đưa ra các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-04].

Trong năm học, nhà trường đều công khai các khoản thu, chi bằng cách niêm yết công khai tài chính tại bảng tin trong phòng giáo viên; công khai các hoạt động chuyên môn và những kết quả mà nhà trường đạt được tại bảng thông tin; thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại bảng tin và trên cổng thông tin của nhà trường [H1-1.9-05]; [H1-1.9-06].

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai rõ ràng, minh bạch dưới nhiều hình thức đa dạng.

3. Điểm yếu

Việc giải quyết các kiến nghị của giáo viên đôi khi còn chậm do cán bộ quản lý chưa bố trí thời gian giải quyết kiến nghị hợp lí.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng sắp xếp thời gian để giải quyết các kiến nghị của giáo viên nhanh chóng, kịp thời đồng thời tăng cường hơn nữa vai trò của chủ tịch Công đoàn, tổ trưởng chuyên môn trong việc tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị theo đúng thẩm quyền.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Mỗi năm nhà trường đều thực hiện phân công thành lập các tổ, đội nhóm nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học: phòng chống tai nạn, ma túy, HIV/AIDS; thực hiện "xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích"; thực hiện trật tự, an toàn giao thông trường học; đội phòng cháy chữa cháy cơ sở; tổ quản lý bán trú và giám sát chất lượng suất ăn của học sinh... Các tổ, đội nhóm được phân công có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch để đảm bảo công tác an ninh trật tự, an toàn trường học [H1-1.2-02]; [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

b) Nhà trường trang bị 01 hộp thư góp ý (điều em muốn nói) để tại sảnh trường, công khai cho các học sinh biết. Công khai số điện thoại và email của nhà trường trên cổng thông tin điện tử, sẵn sàng tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.1-03].

Ngoài ra, nhà trường còn có bộ phận tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân để kịp thời xử lý các thông tin, sự việc cần thiết từ học sinh và phụ huynh [H1-1.10-06]; [H1-1.1-03].

c) Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 2:

a) Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, hướng dẫn trong các buổi sinh hoạt dưới cờ. Phối hợp với các ban ngành đoàn thể bên ngoài nhà trường như Công an quận Gò Vấp, Hội liên hiệp Phụ nữ quận Gò Vấp, công ty Honda… tổ chức các buổi tập huấn, truyền thông giúp cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh cùng tìm hiểu, hướng dẫn và thực hiện các phương án đảm

bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, bạo lực học đường, ngăn chặn tệ nạn xã hội thâm nhập vào nhà trường. Tuy nhiên các hình thức tuyên truyền chủ yếu diễn ra tại nhà trường [H1-1.8-11]; [H1-1.4-11].

Thực hiện đăng tải các bài tuyên truyền lên cổng thông tin điện tử của trường, dán bảng thông tin [H1-1.1-03]; [H1-1.9-06].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Nhà trường có đội ngũ giám thị thường xuyên thực hiện giám sát học sinh. Kịp thời ngăn chặn, giải quyết các vấn đề liên quan đến bạo lực học đường và xử lý theo quy định. Phối hợp với lực lượng dân quân đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường. [H1-1.10-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện đặt hộp thư góp ý và thông báo rộng rãi các hình thức liên hệ với nhà trường để kịp thời ghi nhận phản ánh của phụ huynh học sinh và người dân. Kịp thời nắm bắt thông tin, đảm bảo an toàn cho các bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Nhà trường chủ động liên hệ với các tổ chức và chuyên gia tập huấn trực tiếp cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh toàn trường với nhiều chuyên đề liên quan đến đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

3. Điểm yếu

Các hình thức tuyên truyền về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học chủ yếu diễn ra tại nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 - 2022, Hiệu trưởng tăng cường, đa dạng các hình thức giáo dục liên quan đến đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học thông qua các hoạt động như trải nghiệm thực tiễn, ngoại khóa, tổ chức các hội thi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh.

5. **Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THCS Lý Tự Trọng giai đoạn 2015 đến 2020" có định hướng cụ thể, phù hợp với thực trạng của đơn vị, đáp ứng yêu cầu của cha mẹ học sinh và yêu cầu chung của sự nghiệp giáo dục quận Gò Vấp; đến thời điểm hiện nay từng bước được thực hiện, đảm bảo đúng tiến độ và chỉ tiêu đề ra.

Tổ chức đảng và các đoàn thể của trường có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động trong nhà trường và địa phương. Chi bộ nhiều năm liền đều hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhà trường đã thực hiện tốt việc thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ và các chương trình giáo dục khác trong nhà trường. Không có hoạt động dạy thêm sai quy định trong nhà trường. Chương trình giáo dục trong nhà trường thường xuyên được rà soát, đánh giá và điều chỉnh kịp thời và được Phòng GD&ĐT quận Gò Vấp đánh giá đạt hiệu quả.

Điểm yếu cơ bản:

Thành viên của Hội đồng trường thường thay đổi do các yếu tố khách quan nên khó khăn trong công tác giám sát việc thực hiện mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường.

Các tổ chuyên môn ghép bộ môn còn gặp khó khăn trong việc quản lý và tổ chức sinh hoạt chuyên môn (dự giờ, báo cáo chuyên đề…).

Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 1: 10/10 tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 2: 08/10 tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 3: 0/5 tiêu chí

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự thành công của nhà trường chính là nguồn nhân lực của đơn vị, từ đội ngũ cán bộ quản lý đến giáo viên, nhân viên và cả học sinh.

Nói đến nguồn nhân lực thực chất là nói đến số lượng và chất lượng của đội ngũ. Khi nói đến nguồn nhân lực trong giáo dục có nghĩa là nói đến đội ngũ nhà giáo và phẩm chất, năng lực nhà giáo. Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên là lực lượng chủ yếu giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu và kế hoạch đào tạo, là người có ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành công hay thất bại của nhà trường. Vì vậy, việc chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo là nhiệm vụ trọng tâm, là ưu tiên hàng đầu trong công tác quản lý của Trường THCS Lý Tự Trọng.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường đã thể hiện rõ tính khoa học, chủ động, sáng tạo, hiệu quả có sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau một cách tích cực. Điều đó đã làm nên sức mạnh to lớn, tạo đà cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng nhà trường hiện nay là ông Dương Hữu Đức, được điều động và bổ nhiệm Hiệu trưởng theo Quyết định số 3373/QĐ-UBND của UBND quận Gò Vấp ngày 29/8/2018. Hai Phó Hiệu trưởng là bà Dương Thị Hương theo Quyết định số 3307/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 và bà Hoàng Thị Ngoan theo Quyết định số 3754/QĐ-UBND của UBND quận Gò Vấp ngày 17/10/2018. Cán bộ quản lý nhà trường được Ủy ban Nhân dân quận Gò Vấp bổ nhiệm, đạt trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đại học, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ lý luận chính trị, có năng lực quản lý nhà trường, có đủ sức khỏe theo yêu cầu. Đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục và theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

b) Hằng năm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận xét góp ý xây dựng quá trình hoạt động công tác của năm học và được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp đánh giá, xếp loại về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực quản lý theo Thông tư số: 14/2018/TT-BGDĐT quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông. Cán bộ quản lý nhà trường hằng năm đều được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đánh giá xếp loại Tốt trở lên [H2-2.1-04].

c) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều đạt trình độ đại học. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục [H2-2.1-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp, Cán bộ quản lý nhà trường được đánh giá, xếp loại Tốt theo chuẩn Hiệu trưởng trường trung học [H2-2.1-04].

b) Một phó hiệu trưởng có trình độ thạc sĩ chuyên ngành và thạc sĩ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý đều tốt nghiệp lớp Trung cấp chính trị-hành chính đảm bảo yêu cầu về trình độ lý luận chính trị và quản lý giáo dục theo đúng quy định; đồng thời tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ do các cấp tổ chức. Cán bộ quản lý nhà trường được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm thể hiện trong việc lấy ý kiến trong các kỳ họp đánh giá cuối năm, đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp, Cán bộ quản lý nhà trường được đánh giá, xếp loại Tốt theo chuẩn Hiệu trưởng trường trung học [H2-2.1-04].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý nhà trường được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm ở mức cao trong nhiều năm liền. Cán bộ quản lý nhà trường có ý thức tự học tập, nâng cao trình độ quản lý.

3. Điểm yếu

Cán bộ quản lý nhà trường chưa thực hiện sáng kiến kinh nghiệm cấp quận, theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chuẩn Hiệu trưởng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 - 2022 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý nhà trường tham gia học lớp nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn, thực hiện sáng kiến kinh nghiệm cấp quận nhằm đề ra được những biện pháp khả thi, thực hiện có hiệu quả kế hoạch chiến lược và kế hoạch từng năm học của nhà trường..

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo tối đa 1,9 giáo viên trên một lớp theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7

năm 2017 về việc hướng dẫn danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác [H1-1.7-03]; [H2-2.2-01].

Năm học	Số lượng GV/ số lớp	Tỷ lệ GV / số lớp
2016-2017	77/47	1,64
2017-2018	78/44	1,77
2018-2019	76/45	1,69
2019-2020	75/45	1,67
2020-2021	75/47	1,60

b) 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên theo quy định tại điều 33 Điều lệ trường trung học [H2-2.1-03].

Stt	**Năm học**	**Trên đại học**	**Đại học**	**Cao đẳng**	**Trung cấp**
1	2016-2017	5,19%	77,93%	16,88%	00
2	2017-2018	5,13%	79,49%	15,38%	00
3	2018-2019	3,95%	84,21%	11,84%	00
4	2019-2020	5,33%	85,34%	9,33%	00
5	2020-2021	4,00%	85,33%	10,67%	00

c) Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt (hoàn thành nhiệm vụ) trở lên. Cụ thể kết quả đánh giá chuẩn giáo viên hằng năm như sau:

Năm học	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Tốt)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ (Khá)	Hoàn thành nhiệm vụ (Đạt)
2016-2017	72,6%	27,4%	00
2017-2018	78.21%	21,79%	00
2018-2019	7,89%	92,11%	00

2019-2020	1,33%	97,34%	00
2020-2021	14,08%	84,51%	1,41%

Năm học 2020-2021, Nhà trường có 100% giáo viên xếp loại chung cuối năm học đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên, trong đó có 98,59 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp:

Stt	Năm học	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp
1	2016-2017	5,19%	77,93%	16,88%	00
2	2017-2018	5,13%	79,49%	15,38%	00
3	2018-2019	3,95%	84,21%	11,84%	00
4	2019-2020	5,33%	85,34%	9,33%	00
5	2020-2021	4,00%	85,33%	10,67%	00

[H2-2.2-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó: Có 4 năm 100% giáo viên của trường được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Năm học 2020 – 2021 có 98,59 % giáo viên của trường được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên theo quy định của chuẩn nghề nghiệp [H2-2.2-02].

c) Giáo viên của trường hiện nay đa số đáp ứng được yêu cầu hội nhập, có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn học sinh tự nghiên cứu bài học, làm dự án báo cáo. Trong các cuộc thi như: robocon, khéo tay kỹ thuật, máy tính cầm tay, văn hay chữ tốt, lớn lên cùng sách... Học sinh được giáo viên hướng dẫn và đạt được nhiều kết quả cao cấp quận, thành phố [H1-1.1-04].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá trên 98,59% giáo viên của trường đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở [H2-2.2-02].

Năm học	Tốt	Khá	Đạt
2016-2017	72,6%	27,4%	00
2017-2018	78.21%	21,79%	00
2018-2019	7,89%	92,11%	00
2019-2020	1,33%	97,34%	00
2020-2021	14,08%	84,51%	1,41%

b) Số lượng giáo viên thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học trong 5 năm liên tiếp:

Năm học	Báo cáo khoa học cấp trường	Báo cáo khoa học cấp quận	Báo cáo khoa học cấp Thành phố
2016-2017	05	05	00
2017-2018	05	03	03
2018-2019	05	02	02
2019-2020	07	04	04
2020-2021	07	03	03

[H1-1.2-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo cơ cấu các môn học, trình độ đào tạo đều đạt chuẩn và trên chuẩn cao.

Lực lượng giáo viên trẻ, năng động và có nhiệt huyết; có đủ kiến thức, kinh nghiệm và khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

3. Điểm yếu

Trường còn 08 giáo viên có trình độ Cao đẳng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 - 2022 và đến năm 2025, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện kế hoạch để tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo và đạt chuẩn nghề nghiệp là 100%.

Từ năm học 2021 - 2022, hiệu trưởng động viên, khuyến khích, tạo điều kiện và hỗ trợ cho giáo viên có năng lực thực hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, báo cáo Sáng kiến kinh nghiệm cấp quận trở lên..

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có số nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm đảm bảo quy định: kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, thiết bị, thư viện, phục vụ, bảo vệ. Hằng năm, Hiệu trưởng ra quyết định phân công công tác đối với bộ phận tổ văn phòng, đảm bảo hoạt động chung của nhà trường [H1-1.2-02].

b) Nhân viên kế toán, văn thư, y tế có trình độ trung cấp trở lên theo đúng chuyên môn; các nhân viên khác được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công việc [H2-2.1-03]; [H1-1.2-02].

c) Đội ngũ nhân viên hằng năm thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ được giao, được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định [H2-2.3-01].

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên của nhà trường đảm bảo theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc hướng dẫn danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Tuy nhiên hiện nay nhân viên thiết bị đang đã nghỉ hưu nên Hiệu trưởng hợp đồng làm công tác thiết bị,có đủ sức khỏe và trình độ theo Thông tư 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc với giáo viên phổ thông; từ nhiều năm, nhân viên thư viện của nhà trường là cô Nguyễn Thị Thanh Nga đủ tiêu chuẩn phụ trách công tác thư viện [H1-1.2-02]; [H2-2.3-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-01].

Mức 3:

a) Nhân viên của trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Tuy nhiên đối với giáo viên công tác thiết bị đã quá số tuổi lao động [H2-2.1-03].

b) Các nhân viên của trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ được cấp trên tổ chức theo vị trí việc làm [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

3. Điểm yếu

Hiện nay công tác thiết bị được hợp đồng với giáo viên về hưu phụ trách, theo quyết định phân công của Hiệu trưởng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phó Hiệu trưởng lên kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, cử đi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo từng năm.

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng sẽ tuyển dụng nhân viên thiết bị để đảm bảo độ tuổi lao động và cơ cấu nhân viên theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường tuyển sinh học sinh vào lớp 6 đúng độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ

thông có nhiều cấp học. Trường không có học sinh học trước tuổi hoặc học sinh lưu ban quá 2 lần trong một cấp học [H1-1.2-07].

b) Học sinh nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ của học sinh theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học: thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Thực hiện nội quy nhà trường và chấp hành pháp luật của nhà nước. Học sinh biết rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Học sinh được tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường, của lớp, của Đội thiếu niên tiền phong; tham gia các công tác xã hội như bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Học sinh có ý thức giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; xây dựng và phát huy truyền thống nhà trường [H1-1.5-04]; [H1-1.6-04]; [H2-2.4-01].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền của học sinh theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học: Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền như được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được cung cấp thông tin về việc học của mình, được sử dụng cơ sở vật chất, các trang thiết bị phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao ... Học sinh được tôn trọng, đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật; được giáo dục kỹ năng sống. Học sinh được nhận học bổng hoặc trợ cấp theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.8-01]; [H2-2.4-02].

Mức 2:

Hằng năm, học sinh của nhà trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và quy định về các hành vi học sinh không được làm. Nhà trường không có học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu [H1-1.1-04]; [H2-2.4-01].

Mức 3:

Nhà trường có nhiều học sinh có thành tích tốt trong học tập, rèn luyện tham gia tích cực các hoạt động của lớp, của nhà trường, của Đội thiếu niên tiền phong. Học sinh đạt học sinh giỏi cấp quận, thành phố, đạt giải cao trong hội thi các cấp là tấm gương cho các học sinh khác noi theo; là động lực thúc đẩy thi đua học tập và rèn luyện giữa các cá nhân học sinh trong lớp, giữa lớp này với lớp khác [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Học sinh nhà trường được hưởng đầy đủ quyền lợi học tập, vui chơi, phát triển năng khiếu; thực hiện các nhiệm vụ của học sinh theo Điều lệ trường trung học và các quy định khác về pháp luật.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa tự giác tốt nhiệm vụ về học tập và rèn luyện đạo đức nên vẫn còn học sinh xếp loại yếu, loại kém về học lực,trung bình về hạnh kiểm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giáo viên chủ nhiệm nâng cao trách nhiệm trong việc quản lý học sinh lớp được phân công chủ nhiệm, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của học sinh được thực hiện đầy đủ theo quy định.

Nhà trường tiếp tục phát huy, tạo điều kiện cho học sinh được học tập, vui chơi và phát triển toàn diện; giúp học sinh phát huy năng lực và đạt được nhiều kết quả tốt.

Tăng cường phối hợp giữa gia đình với nhà trường để có định hướng giúp đỡ những học sinh chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện đạo đức.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý nhà trường được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm ở mức tốt trong nhiều năm liền.

Lực lượng giáo viên có nhiều năng động và có nhiệt huyết. Có đủ kiến thức, kinh nghiệm và khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

Học sinh nhà trường được hưởng đầy đủ quyền lợi học tập, vui chơi, phát triển năng khiếu; thực hiện các nhiệm vụ của học sinh theo Điều lệ trường trung học và các quy định khác về pháp luật.

Điểm yếu cơ bản:

Cán bộ quản lý nhà trưởng chưa thực hiện sáng kiến kinh nghiệm cấp quận.

Hiện nay công tác thiết bị được giáo viên hợp đồng phụ trách, đã quá tuổi lao động.

Một số học sinh chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ về học tập và rèn luyện đạo đức nên vẫn còn tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, loại kém về học lực.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 1: 4/4 tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 2: 4/4 tiêu chí.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 3: 0/4 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trong các năm học qua, nhà trường đã quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất của nhà trường. Thực hiện tốt việc lập dự toán, thu chi, quyết toán tài chính theo đúng quy định, thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ, huy động được nhiều nguồn lực cùng tham gia xây dựng cơ sở vật chất trường học và thực hiện mục tiêu giáo dục.

Trường có diện tích đảm bảo theo quy định, có khuôn viên riêng biệt, tường bao, cổng trường, biển tên trường, có khu sân chơi, bãi tập, khu để xe, khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước và xây dựng được môi trường xanh, sạch đẹp. Nhà trường có đủ trang, thiết bị giáo dục đồ dùng dạy học và quản lý sử dụng theo quy định. Thiết bị luôn được mua sắm, sửa chữa, bổ sung đầy đủ. Phòng học, phòng

thực hành, phòng máy tính, phòng bộ môn… luôn được quản lý chu đáo, đảm bảo tốt hoạt động giảng dạy, thực hành bộ môn.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m^2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m^2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có khuôn viên rộng rãi với diện tích: 20.020 m^2, có cây xanh tạo bóng mát, đảm bảo xanh sạch, đẹp, an toàn [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Theo hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường có 2 cổng; trường có biển tên trường, tường rào bao quanh được xây dựng kiên cố [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Sân chơi có diện tích là: 1.200 m^2 đáp ứng đủ diện tích để học sinh vui chơi, có lưới lan che mát, ghế ngồi, cây xanh. Sân chơi, bãi tập có diện tích tập thể dục thể thao tối thiểu, đảm bảo an toàn cho học sinh luyện tập thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

Trường chưa có nhà luyện tập thể thao đa năng… nên các câu lạc bộ thể thao trong nhà trường phải tự phối hợp với Nhà thiếu nhi, Trung tâm Thể dục thể thao quận để chức các hoạt động thể thao học sinh [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3: Trường được đầu tư xây dựng tổng diện tích 3.996 m^2 diện tích bình quân 1.89 m^2/học sinh, chưa đảm bảo diện tích 6m^2/học sinh [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên rộng, thoáng; có đầy đủ hệ thống tường rào, cổng, biển trường, sân chơi bãi tập theo chuẩn, có đường bê tông xung quanh khuôn viên. Có khu sân chơi với đầy đủ thiết bị luyện tập tối thiểu đáp ứng yêu cầu luyện tập thể dục thể thao và tổ chức các hoạt động giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu

Hiện nay trường chỉ chưa có nhà thi đấu đa năng, bãi tập thể thao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm, cán bộ quản lý và bộ phận liên quan cơ sở vật chất thường xuyên kiểm tra, rà soát hệ thống tường rào, cổng, biển tên trường. Nhà trường sẽ đề xuất tôn tạo ngay khi có hư hỏng xuống cấp.

Tổ trưởng chuyên môn tổ Văn thể mỹ tiếp tục phối hợp với Trung tâm Thể dục thể thao, Nhà thiếu nhi quận Gò Vấp để tổ chức các giải thể thao cần sân bãi chuyên nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các phòng học của nhà trường được trang bị bàn ghế loại 2 chỗ ngồi phù hợp với tầm vóc của học sinh. Có đủ bàn ghế cho giáo viên, bảng viết đảm bảo quy định, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, đảm bảo cho việc học hai buổi/ngày của học sinh. Bàn ghế học sinh các phòng học đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế [H3-3.1-01].

b) Trường có cơ sở vật chất khang trang phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Mỗi phòng học có hệ thống âm thanh, tivi, trong đó có 15 phòng học được trang bị máy tính để bàn. Hiện nay trường có 07 phòng học bộ môn gồm: phòng thực hành Vật lý – Công nghệ, phòng thực hành Hóa học, phòng thực hành Sinh học, Tin học (2 phòng), Ngoại ngữ, STEM - Robot [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Trường có các khối, phòng phục vụ học tập như: Phòng Tư vấn học đường, thư viện, phòng truyền thống, phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng thiết bị [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Trường có cơ sở vật chất khang trang đạt chuẩn phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Trường hiện có 33 phòng học, 03 phòng học bộ môn được thiết kế đúng tiêu chuẩn theo quy định tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8794:2011. Tất cả các phòng đều đảm bảo điều kiện quy định về nền, sàn nhà, cửa ra vào và cửa sổ, ánh

sáng tự nhiên, ánh sáng nhân tạo, bàn ghế, nội thất, trang thiết bị, yêu cầu an toàn kỹ thuật … theo Quyết định số: 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 về việc ban hành quy định về phòng bộ môn [H3-3.1-01]; [H3-3.2-01].

Diện tích một số phòng: phòng học: 58,8 $m^{2/}$ /1 phòng; phòng bộ môn Vật Lý, Hóa học, Sinh học, Mỹ thuật, Tin học, Lab: 80,64 m^2/1 phòng; Phòng chuẩn bị Lý, Hóa, Sinh: 20,16 m^2/1 phòng; Công nghệ: 80,64 m^2… [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Trường có khối phục vụ học tập đầy đủ theo quy định tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8794:2011 gồm: thư viện, phòng truyền thống, phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng thiết bị [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Phòng Tư vấn học đường với diện tích 24m^2 với thiết kế linh hoạt để phù hợp với các nhu cầu hoạt động khác nhau như tư vấn tâm lý (ban ngày), CLB âm nhạc vào sau giờ học, sinh hoạt các câu lạc bộ học thuật… Đảm bảo về diện tích tiêu chuẩn và quy mô hoạt động trong nhà trường theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Thư viện trường đặt ở vị trí tầng trệt, gần phòng sinh hoạt giáo viên, thuận tiện cho việc đọc và mượn sách, báo của giáo viên, học sinh. Thư viện bao gồm: kho sách, khu đọc sách cho giáo viên và cho học sinh. Thư viện được trang bị máy tính bảng phục vụ cho giáo viên và học sinh tra cứu thông tin, bài giảng; [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Phòng thiết bị được thiết kế với chức năng là kho chứa, nơi sửa chữa đồ dùng giảng dạy và chuẩn bị các bài học có diện tích 34 m^2 , kho thiết bị có diện tích 24m^2 được đặt ở vị trí thuận tiện cho giáo viên mượn đồ dùng dạy học [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Phòng truyền thống và phòng Đoàn – Đội cũng luôn hoạt động có hiệu quả đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở [H1-1.6-09].

Trường chưa có phòng riêng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

2. Điểm mạnh

Trường có cơ sở vật chất khang trang phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Nhà trường có đủ phòng học, phòng bộ môn và khối phục vụ học tập. Thư viện nhà trường đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Phòng học và phòng bộ môn được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định.

Điểm yếu

Trường chưa có phòng riêng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm Hiệu trưởng phân công nhân sự phụ trách các phòng bộ môn. Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa cơ sở vật chất. Đảm bảo phòng học và phòng bộ môn được sử dụng đúng mục đích.

Phân công giáo viên quản lý thư viện, tiếp tục khai thác có hiệu quả thư viện. Phân công giáo viên quản lý phòng tin học. Kiểm tra máy định kỳ mỗi học kỳ 1 lần, đề xuất sửa chữa ngay khi hư hỏng.

Năm học 2022- 2023, nhà trường lên kế hoạch bố trí phòng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

4. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có khối hành chính quản trị: Phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, văn thư, y tế, kế toán, phòng thiết bị... Các phòng đều được trang bị máy vi tính có kết nối internet, máy in, điện thoại bàn… đảm bảo yêu cầu hoạt động của nhà trường [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Có khu vực xe cho cán bộ, giáo viên, khu vực để xe học sinh. Hai khu để xe được bố trí vị trí hợp lý, có mái che, có camera giám sát đảm bảo an toàn, tiện lợi [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Đầu và cuối năm học nhà trường đều cho các bộ phận tự kiểm kê các thiết bị đồ dùng hư hỏng và lập kế hoạch, thực hiện nâng cấp, bổ sung mua sắm đồ dùng và thiết bị phục vụ hành chính vào đầu năm học mới [H3-3.3-01].

Mức 2:

Nhà trường có khối hành chính quản trị: 01 phòng làm việc của Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng văn thư, 01 phòng y tế, 01 phòng kế toán, 01 phòng phòng thiết bị, 01 phòng trực bảo vệ, 01 phòng hội đồng giáo viên, 02 phòng nghỉ giáo viên và các kho theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Nhà trường có khu bếp ăn được trang bị hệ thống bếp ăn một chiều đúng quy định, nhà ăn sạch sẽ thoáng mát, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Phòng nghỉ học sinh hiện nay là các phòng học trống, được trang bị cơ sở vật chất phục vụ công tác bán trú đầy đủ và an toàn. Hiện nay nhà trường có hai phòng nghỉ giáo viên đảm bảo điều kiện sức khỏe cho giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Các phòng thuộc khối hành chính quản trị đều được trang bị cơ sở vật chất đầy đủ. Các phòng được bố trí liền kề, hợp lý; được trang bị đầy đủ bàn làm việc, tủ hồ sơ sắp xếp gọn gàng, khoa học. Mỗi phòng đều có máy vi tính có kết nối internet, máy in… hỗ trợ cán bộ, giáo viên, nhân viên làm việc mang lại hiệu quả công việc tốt hơn [H3-3.1-01];[H3-3.1-02]; [H1-1.6-08].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ hệ thống các phòng hành chính, được trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng như: tủ hồ sơ, máy tính có kết nối mạng, máy in, máy scan… Phòng làm việc được sắp xếp gọn gàng, khoa học.

Nhà ăn, phòng nghỉ giáo viên và phòng học đảm bảo an toàn, vệ sinh, đảm bảo sức khỏe cho giáo viên và học sinh.

Hệ thống máy móc văn phòng được sử dụng và phát huy tối đa hiệu quả. Thiết bị, vật dụng văn phòng được quản lý tốt, định kỳ kiểm kê theo quy định.

3. Điểm yếu

Khu nhà để xe học sinh có mái che còn nhỏ so với nhu cầu sử dụng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hằng năm Hiệu trưởng phân công bộ phận quản lý tài sản định kỳ kiểm kê theo quy định.

Các cá nhân của từng bộ phận chịu trách nhiệm phòng làm việc của mình, sắp xếp thiết bị gọn gàng, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

Hằng năm cán bộ quản lý và bộ phận liên quan cơ sở vật chất thường xuyên kiểm tra, rà soát đảm bảo đáp ứng đầy đủ các thiết bị phục vụ công tác quản lý hành chính của nhà trường.

Năm 2022, Hiệu trưởng lên kế hoạch trình Ủy ban Nhân dân quận Gò Vấp để mở rộng khu nhà để xe của học sinh từ nguồn kinh phí nhà trường.

5. **Tự đánh giá:** Đạt mức 1.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Toàn trường có 6 cụm công trình vệ sinh dành riêng cho học sinh, 2 cụm công trình vệ sinh dành riêng cho cán bộ, giáo viên và 3 cụm công trình vệ sinh dùng chung. Tất cả đều được chia khu riêng cho nam và nữ, được bố trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Nhà trường sử dụng hệ thống cấp nước sạch của thành phố để sinh hoạt, hợp đồng cung cấp nước đóng bình cho giáo viên, nhân viên và học sinh uống. Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

c) Trường có trang bị thùng rác có nắp đậy tại hành lang lớp học. Có nhà chứa rác cách xa khu lớp học và phòng làm việc. Hợp đồng với công ty dịch vụ công ích quận Gò Vấp thu gom và xử lý rác theo quy định [H3-3.4-03]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường vừa được cải tạo mới các phòng vệ sinh sạch sẽ được trang bị hệ thống phát nhạc, nhà vệ sinh nằm ngay ở cạnh hành lang, thoáng mát có ánh nắng đảm bảo thuận tiện và phù hợp với cảnh quan [H3-3.1-01].

Khu vệ sinh được bố trí hợp lý theo từng khối chức năng trong trường, đáp ứng yêu cầu sử dụng của giáo viên và học sinh, đảm bảo vệ sinh, không làm ô nhiễm môi trường. Khu vệ sinh của học sinh có phòng đệm và được thiết kế với tiêu chuẩn diện tích đáp ứng tối thiểu hiện nay là 0,12 m^2/học sinh với số lượng thiết bị đảm bảo theo quy định tại Tiểu mục 5.6 Mục 5 Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8794:2011. Tuy nhiên đôi khi một số các thiết bị vệ sinh hư hỏng [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại Khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/05/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: sử dụng nguồn nước uống từ công ty cấp nước có đủ điều kiện cung cấp nước uống đóng chai theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 6 -1: 2010/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/06/2010 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống đóng chai [H3-3.4-02].

Sử dụng nguồn nước sinh hoạt theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN 02: 2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/06/2009 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước sinh hoạt [H3-3.4-01].

Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh [H3-3.1-01].

Thùng rác có nắp đậy để chứa và phân loại rác thải. Có khu tập trung rác thải được bố trí xa với phòng học, khối hành chính, nằm cách biệt. Thực hiện đúng theo quy định về việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác trong nhà trường. Nhà trường đã hợp đồng với Công ty dịch vụ công ích quận Gò Vấp để thu gom xử lí rác thải phát sinh hằng ngày [H3-3.4-03]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ công trình vệ sinh tự hoại cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh. Các khu nhà vệ sinh được trang bị hệ thống phát nhạc tạo cảm giác thoải mái hơn cho người dùng.

Hệ thống khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, phù hợp cảnh quan chung của nhà trường.

Hệ thống nước sạch đảm bảo, mẫu nước được đem đi kiểm tra chất lượng vi sinh theo định kỳ.

Lựa chọn nhà cung cấp nước uống đóng bình đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

3. Điểm yếu

Đôi khi một số các thiết bị vệ sinh hư hỏng cần được sửa chữa, thay thế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ hàng năm hiệu trưởng ký hợp đồng với công ty cung cấp nước uống đóng bình. Giao nhiệm vụ cho bộ phận y tế kiểm tra chất lượng vi sinh nước sinh hoạt và chất lượng nước uống đóng bình theo định kỳ.

Phân công nhiệm vụ cho bộ phận bán trú thường xuyên kiểm tra, làm vệ sinh nhiều lần trong ngày; đảm bảo các khu nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, thông thoáng.

Thường xuyên kiểm tra sửa chữa cơ sở vật chất ngay khi có hư hỏng.

5. **Tự đánh giá:** Đạt mức 1.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Tất cả các phòng hành chính quản trị đều được trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng; Có hệ thống máy vi tính có kết nối internet, máy in, máy photocopy và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường [H1-1.6-08].

b) Trường được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho mỗi môn học theo quy định tại Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày

11/8/2009 của Bộ GD&ĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở [H1-1.6-09].

c) Hằng năm vào đầu năm học các tổ chuyên môn và bộ phận thiết bị đều được yêu cầu kiểm kê, đề xuất sửa chữa và mua mới bổ sung thiết bị dạy học. Sau khi tổng hợp đề xuất thông qua sự đồng ý của cán bộ quản lý, các bộ phận liên quan có trách nhiệm sửa chữa và mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học mới mỗi năm [H1-1.6-09]; [H3-3.5-01].

Mức 2:

a) Hiện nay nhà trường có 3 đường truyền internet, đảm bảo kết nối internet cho 100% máy tính khu hành chính và 90 máy phòng vi tính phục vụ học tập. Tuy nhiên hệ thống máy vi tính còn một số máy cũ, thiếu cập nhật phần mềm hệ thống và các bản vá lỗi bảo mật không đảm bảo phục vụ tốt cho công việc [H3-3.5-02].

b) Trường được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học cho mỗi môn học theo quy định [H1-1.6-09].

c) Hằng năm các tổ chuyên môn và bộ phận thiết bị đều được yêu cầu kiểm kê, đề xuất sửa chữa và mua mới bổ sung thiết bị dạy học. Hằng năm vào dịp thi đua 20/11 nhà trường tổ chức hội thi làm đồ dùng dạy học bổ sung cho kho thiết bị các thiết bị dạy học tự làm [H1-1.1-07]; [H1-1.6-09].

Mức 3:

Các phòng thực hành thí nghiệm đều được trang bị đầy đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả. Giáo viên, nhân viên được phân công quản lý phòng thực hành thí nghiệm có trách nhiệm lên kế hoạch sử dụng thiết bị một các hiệu quả đáp ứng nhu cầu giảng dạy. Hằng tháng có báo cáo đánh giá hiệu quả công tác, hằng năm đều có kiến nghị sửa chữa, bổ sung đầy đủ [H1-1.6-09]; [H3-3.5-03].

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho giáo viên, học sinh tham gia làm đồ dùng dạy học. Song song đó việc sử dụng thiết bị dạy học tự làm cũng luôn được khai thác, sử dụng hiệu quả trong các giờ học, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung

phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-04].

2. Điểm mạnh

Trường có phòng thiết bị được bố trí hợp lý thuận tiện cho giáo viên mượn đồ dùng dạy học, có tủ đựng thiết bị, được sắp xếp ngăn nắp gọn gàng.

Trường đã trang bị đủ thiết bị dạy học tối thiểu ở các môn và yêu cầu giáo viên sử dụng thường xuyên theo quy định.

Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học. Giáo viên các bộ môn đều hăng hái sử dụng đồ dùng dạy học.

3. Điểm yếu

Chất lượng một số máy móc văn phòng đã xuống cấp. Hệ thống máy vi tính cũ, thiếu cập nhật phần mềm hệ thống và các bản vá lỗi bảo mật không đảm bảo phục vụ tốt cho công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát động trong giáo viên phong trào tự làm đồ dùng dạy học, đưa vào tiêu chí đánh giá thi đua hàng năm. Phát động phong trào và thi đua làm đồ dùng dạy học trong mỗi đầu năm học. Phó hiệu trưởng chuyên môn lên kế hoạch và giám sát thực hiện. Bộ phận kế toán lên dự trù kinh phí.

Hàng năm các tổ chuyên môn và bộ phận thiết bị lên kế hoạch và thực hiện kiểm kê, đề xuất sửa chữa và mua mới bổ sung thiết bị dạy học. Hiệu trưởng với sự tham mưu của bộ phận chuyên môn duyệt mua sắm bổ sung trang thiết bị vào đầu năm học.

Năm 2020, hiệu trưởng đề xuất lên UBND quận Gò Vấp đầu tư trang bị, nâng cấp hệ thống máy vi tính phục vụ công tác hành chính và hoạt động của nhà trường. Giao trách nhiệm cho kế toán tham mưu lên kinh phí thực hiện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng thư viện của trường vừa được cải tạo mới khang trang, sạch sẽ, có khu vực đọc sách cho học sinh và giáo viên; trang bị kệ sách, báo, tạp chí cho học sinh đọc sách; có tủ đựng sách, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa, sách giáo khoa... phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01].

b) Phòng thư viện có khu vực đọc sách cho học sinh, hiện nay thư viện trường được trang bị 20 máy tính bảng có hệ thống wifi cho học sinh và giáo viên nghiên cứu và tìm hiểu thêm thông tin trên mạng giúp ích cho việc dạy và học [H3-3.6-02].

c) Hằng năm, nhà trường có kiểm kê, bổ sung sách, mua báo thiếu nhi, báo Nhân Dân, Sài Gòn Giải Phóng, mua bổ sung tranh ảnh giáo dục, sách giáo khoa

đáp ứng yêu cầu cho học sinh học và việc dạy của giáo viên [H1-1.4-06]; [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường được trang bị là thư viện trường học đạt chuẩn thư viện thông minh. Nhiều năm liền đạt thư viện tiên tiến [H3-3.6-07].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện thông minh. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet còn ít; có sách giáo khoa, tài liệu điện tử đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-07].

2. Điểm mạnh

Thư viện của nhà trường có máy tính bảng kết nối wifi đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của giáo viên và học sinh.

Sách, báo trong thư viện nhà trường được sắp xếp khoa học, kho sách được bổ sung sách hằng năm.

3. Điểm yếu

Lượng đầu sách hiện có chỉ đạt ở mức tối thiểu, chưa nhiều và phong chú về chủng loại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì hoạt động thư viện thường xuyên. Giao nhiệm vụ cho giáo viên kiêm nhiệm phụ trách thư viện đề ra kế hoạch hoạt động sao cho thu hút bạn đọc ngày càng nhiều hơn.

Giáo viên phụ trách thư viện có trách nhiệm quản lý và kiểm tra và kịp thời đề xuất nâng cấp sửa chữa đảm bảo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Bộ phận phụ trách thư viện thực hiện kế hoạch mở rộng không gian đọc qua các mô hình "Thư viện di động".

Năm học 2021 – 2022, bộ phận thư viện phối hợp với Liên đội lên kế hoạch tổ chức vận động quyên góp sách cho thư viện; tạo ra một thư viện có nguồn sách, tài liệu đa dạng phong phú

5. **Tự đánh giá:** Đạt mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có cơ sở vật chất khang trang đạt chuẩn phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Nhà trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho các tiết dạy - học của GV và HS. Thư viện nhà trường đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của CBGV và HS.

Điểm yếu cơ bản:

Chất lượng một số máy móc văn phòng đã xuống cấp. Hệ thống máy vi tính thiếu cập nhật phần mềm hệ thống và các bản vá lỗi bảo mật không đảm bảo phục vụ tốt cho công việc.

Lượng đầu sách hiện có chỉ đạt ở mức tối thiểu, chưa nhiều và phong chú về chủng loại.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 1: 6/6 tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 2: 0/6 tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 3: 0/5 tiêu chí

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để thực hiện nhiệm vụ được giao, Trường THCS Lý Tự Trọng đã phối hợp với gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh. Nhà trường sẽ hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm giáo dục trẻ. Ban đại diện cha mẹ học sinh giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vận động học sinh ra lớp. Thông qua đó nhằm giúp học sinh ý thức tự giác học tập, rèn luyện đạo đức để xứng đáng là con ngoan, trò giỏi.

Nhà trường tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức cá nhân trong chiến lược phát triển nhà trường để hướng tới trường có chất lượng cao trong giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu năm học nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh theo đơn vị lớp để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp gồm trưởng ban, phó ban và thư ký. Thông qua Đại hội cha mẹ học sinh toàn trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh toàn trường được thành lập và hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường hiện nay gồm: 1 trưởng ban là bà Đặng Thị Phương Thúy; 01 phó trưởng ban và các thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đều là Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức các hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận. Các nội dung thảo luận, thống nhất trong Ban đại diện cha mẹ học sinh được ghi trong các biên bản họp và triển khai phổ biến rộng rãi đến tất cả cha mẹ học sinh toàn trường trong các kỳ họp PHHS toàn trường [H4-4.1-03].

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục học sinh và thực hiện những nhiệm vụ do Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra. Phối hợp với GVCN của lớp để chăm sóc, quản lý, động viên học sinh tích cực tự giác học tập, rèn luyện đạo đức, tuân thủ nội quy của nhà trường. Kiến nghị với nhà trường tạo điều kiện cho con em mình học tập và rèn luyện [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

c) Mỗi năm nhà trường đều tổ chức họp PHHS định kỳ đầu năm, giữa năm và cuối năm học. Ban đại diện cha mẹ học đ sinh tổ chức các hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các nội dung, kế hoạch hoạt động đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-03].

Mức 2:

Trong quá trình hoạt động, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh thông qua việc lồng ghép vào các cuộc họp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh; Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên đóng góp ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh. Ngoài ra Ban đại diện cha mẹ học sinh cũng hỗ trợ nhà trường trong công tác bồi dưỡng, khen thưởng, động viên học sinh tham gia các hội thi từ cấp trường, cấp quận và cấp thành phố để các em có động lực phấn đấu đạt thành tích cao. Tuy nhiên do đặc thù địa bàn dân cư địa phương nên còn trường hợp hạn chế trong việc

tham gia ủng hộ các hoạt động của hội cha mẹ học sinh [H1-1.1-04]; [H4-4.1-01]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp đồng thuận để hoàn thành chương trình giáo dục năm học. Ban đại diện hoạt động theo kế hoạch, quy chế của hội, mỗi năm hoàn thành một công trình xã hội hóa, tích cực tham gia khuyến học, khuyến tài, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.1-04]; [H4-4.1-01]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ nhà trường được bầu ra bao gồm những thành viên tích cực, có hiểu biết về giáo dục và hoạt động có kế hoạch quy chế riêng của hội, phối hợp rất chặt chẽ với nhà trường để vận động phụ huynh tham gia hoàn thành tốt các hoạt động giáo dục năm học và xây dựng các công trình xã hội hóa.

3. Điểm yếu

Do đặc thù địa bàn dân cư địa phương nên đối tượng phụ huynh và học sinh không đồng đều, đến thời điểm này còn khoảng 20% phụ huynh có hoàn cảnh khó khăn nên hạn chế trong việc tham gia các hoạt động của hội cha mẹ học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh không chỉ chú trọng đẩy mạnh việc vận động, giải thích tuyên truyền quyền lợi và nghĩa vụ của con em mình đối với phụ huynh mà thực hiện các giải pháp khắc phục điểm yếu. Vận động tập thể phụ huynh và các mạnh thường quân chia sẻ, giúp đỡ các trường hợp khó khăn không có điều kiện tham gia để hạ tỉ lệ 20%. Bên cạnh đó Ban đại diện Trường tạo điều kiện để phụ huynh tham gia các hoạt động sinh hoạt của Ban đại diện đưa ra.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức,cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong những năm qua, nhà trường đã chủ động tham mưu, đề xuất với Quận ủy, UBND quận Gò Vấp trong việc cải tạo, sửa chữa lớn nhà trường vào tháng 6 năm 2020; Tham mưu thực hiện công tác phát triển lớp, học sinh và các hoạt động xã hội hóa giáo dục có hiệu quả. Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường [H1-1.1-06]; [H1-1.6-07].

b) Thực hiện tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường... Phổ biến văn bản pháp luật đến cha mẹ học sinh thông qua các kỳ họp định kỳ hằng năm. Tổ chức các hoạt động chuyên đề, thông qua sinh hoạt dưới cờ hằng tuần để tuyên truyền cho học sinh nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07]; [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

c) Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng được "Quỹ khuyến học" với mục tiêu động viên khen thưởng kịp học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập và các hoạt động giáo dục; hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện tốt công tác huy động nguồn kinh phí từ các cá nhân, tập thể để cải tạo cơ sở vật chất nhà trường đúng quy định [H4-4.2-03].

Mức 2:

a) Nhằm thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, hằng năm Hiệu trưởng cũng là Đảng ủy viên trực tiếp tham mưu với cấp uỷ đảng bộ phường Thạnh Mỹ Lợi, Ủy ban nhân dân Phường 16 tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng chiến lược như: công tác duy trì trường chuẩn quốc gia, xây dựng kế hoạch duy trì phổ cập giáo dục. Từ đó Đảng uỷ đưa vào nghị quyết, chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể cùng thực hiện [H1-1.1-06]; [H1-1.6-07].

b) Trong những năm học vừa qua, nhà trường đã làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh. Vào dịp nghỉ hè nhà trường đã phối hợp với phường tổ chức cho các em sinh hoạt hè. Tổ chức cho học sinh ký cam kết không vi phạm luật giao thông, không tham gia các tệ nạn xã hội. Đoàn – Đội phối hợp tổ chức các chuyến ngoại khóa về nguồn tìm hiểu các địa danh lịch sử như: địa đạo Củ Chi, Bến nhà Rồng, Bảo tàng chứng tích chiến tranh…; viếng và chăm sóc đền tưởng niệm liệt sĩ Phường 16... Tuy nhiên các công tác này chỉ mới gói gọn trong Chi đoàn, Ban chỉ

huy Liên Đội và một số Đội viên nòng cốt chứ chưa tổ chức được ở quy mô lớn [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07]; [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa thực hiện được công tác tham mưu với cấp ủy Đảng bộ Phường 16, Ủy ban nhân dân Phường 16 và phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực, chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương UBND Phường 16, quận Gò Vấp tích cực giúp đỡ hỗ trợ nhà trường cải tạo và sửa chữa lớn cơ sở vật chất để phù hợp với các tiêu chí của trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

3. Điểm yếu

Các hoạt động giáo dục địa phương còn đơn điệu, hình thức hoạt động chưa đa dạng phong phú đẩy mạnh công tác giáo dục địa phương trên địa bàn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương và cấp ủy đảng tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng chiến lược nhà trường đã đề ra. Đưa các chuyên đề hoạt động địa phương theo từng chủ điểm lồng ghép vào các tiết học bộ môn, tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp, tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần ... Xây dựng các chương trình địa phương bằng các hoạt động học tập trải nghiệm như: Tham quan các công trình mới trên địa bàn, thu gom rác thải, an toàn giao thông, trồng cây xanh...

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ nhà trường bao gồm những thành viên tích cực, có trình độ am hiểu về giáo dục và hoạt động có kế hoạch quy chế riêng của hội, phối hợp rất chặt chẽ với nhà trường để vận động phụ huynh tham gia hoàn thành tốt các hoạt động giáo dục năm học và xây dựng các công trình xã hội hóa.

Nhà trường đã tích cực, chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương UBND Phường 16, quận Gò Vấp tích cực giúp đỡ hỗ trợ nhà trường cải tạo, sửa chữa lớn cơ sở vật chất để phù hợp với các tiêu chí của trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

Điểm yếu cơ bản:

Do đặc thù địa bàn dân cư địa phương nên đối tượng phụ huynh và học sinh không đồng đều, hạn chế trong việc tham gia ủng hộ các hoạt động của hội cha mẹ học sinh.

Các hoạt động giáo dục địa phương còn đơn điệu, hình thức hoạt động chưa đa dạng phong phú đẩy mạnh công tác giáo dục địa phương trên địa bàn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 1: 2/2 tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 2: 2/2 tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 3: 0/2 tiêu chí

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Nhà trường thực hiện tốt công tác giáo dục địa phương.

Việc bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu kém cũng được nhà trường quan tâm thực hiện. Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cũng được nhà trường thường xuyên tổ chức giảng dạy, lồng ghép trong tiết học của bộ môn, các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp, thực hiện hoạt động trải

nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh. Trường đã tổ chức giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn cho học sinh một cách linh hoạt và hiệu quả.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường thực hiện đúng kế hoạch thời gian của năm học, học kỳ I học 19 tuần, học kỳ II học 18 tuần; Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục theo quy định tại Quyết

định số: 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông [H1-1.8-01].

Giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch giảng dạy theo đúng mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [H1-1.6-14]; [H1-1.6-03]; [H5-5.1-01].

b) Nhà trường đổi mới quản lý việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền chủ động cho giáo viên, tổ bộ môn trong việc xây dựng kế hoạch giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng đổi mới dạy học, chuẩn bị tốt cho việc triển khai chương trình phổ thông mới [H1-1.4-04];

Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn cũng như giáo viên các bộ thường xuyên đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, tích cực sử dụng đồ dùng dạy học, tổ chức có hiệu quả các giờ thực hành. Yêu cầu bài học phải phù hợp với đối tượng học sinh, có nhiều liên hệ có thể vận dụng vào thực tiễn, hướng dẫn học sinh cách tự học, tự nghiên cứu. Thực hiện chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM với nhiều mức độ khác nhau tùy theo năng lực của giáo viên và sự đáp ứng của học sinh. Kết hợp song song thực hiện chương trình giáo dục năm học với học tập trải nghiệm đúng tiêu chí: Học đi đôi với hành, tích hợp liên môn, học không gian mở … Tuy nhiên việc thực hiện đổi mới dạy học ở một số bộ môn chưa thực hiện thường xuyên [H1-1.6-14]; [H5-5.1-01].

c) Nhà trường yêu cầu giáo viên các bộ môn đổi mới công tác kiểm tra đánh giá, linh động trong các giờ học, các bài kiểm tra định kỳ được kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận đối với môn Tiếng anh, đảm bảo tính vừa sức, phù hợp đối tượng. Có biên bản, đầy đủ hồ sơ, kết quả công tác kiểm tra giữa kì và kiểm tra

cuối kì trong từng năm học đảm bảo tính khách quan trong công công tác đánh giá học sinh [H5-5.1-02].

Mức 2:

a) Hằng năm Nhà trường giao cho các tổ, nhóm chuyên môn rà soát, xây dựng kế hoạch giảng dạy. Việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, phân loại đối tượng đã được thể hiện trong giáo án của giáo viên được tổ trưởng chuyên môn ký duyệt trước khi lên lớp. Trong mỗi bài soạn giáo viên thiết kế một số câu hỏi, bài tập nhằm phát triển phẩm chất năng lực, mở rộng kiến thức dành riêng cho từng đối tượng học sinh [H5-5.1-01]; [H1-1.6-14]; [H1-1.4-04].

b) Vào đầu các năm học nhà trường căn cứ vào kết quả và thành tích đạt được của học sinh ở năm học trước yêu cầu giáo viên giảng dạy các bộ môn kết hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp kiểm tra, rà soát lựa chọn ra những học sinh có năng khiếu ở các môn học văn hóa cũng như năng khiếu văn nghệ, thành lập đội tuyển, thành lập câu lạc bộ để phân công giáo viên bồi dưỡng. Chỉ đạo chuyên môn tổ chức dạy kèm, phụ đạo thêm cho học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện [H1-1.8-06]; [H1-1.8-09]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kết nhưng chưa phân tích chuyên sâu kết quả thực hiện việc tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.4-09]; [H1-1.4-10].

2. Điểm mạnh

Trường có thế mạnh về cơ sở vật chất vừa được cải tạo nên nhà trường đã kết hợp song song thực hiện chương trình giáo dục năm học với học tập trải nghiệm đúng tiêu chí: Học đi đôi với hành, tích hợp liên môn, học không gian mở… xây dựng các câu lạc bộ: Stem, robot, dạy toán robot, âm nhạc, hội họa, vườn sinh học, tâm lý học đường, nhà đa năng, thư viện thông minh...

3. Điểm yếu

Việc thực hiện đổi mới dạy học ở một số bộ môn xã hội chưa khai thác triệt để công năng các phòng bộ môn và câu lạc bộ vào tiết dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học tới và các năm học sau sẽ xây dựng các chuyên đề đưa hoạt động học tập trải nghiệm vào tiết dạy theo các phương pháp dạy tích cực để nâng cao hiệu quả các phòng học bộ môn và các câu lạc bộ. Vận dụng 14/14 bộ môn và 1 chuyên đề/ học kì/ môn

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu các năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, giao cho các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện [H1-1.8-06]; [H1-1.8-09]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.2-01].

b) Đầu năm cán bộ quản lý căn cứ vào kết quả học tập cuối năm trước để tuyển chọn và lập danh sách dự kiến ban đầu cho đội tuyển HSG. Phó Hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo và phân công giáo viên có chuyên môn cao và kinh nghiệm thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi theo chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp để học sinh đảm bảo đủ kiến thức và kĩ năng tham gia các kì thi theo quy định [H1-1.8-09]; [H5-5.1-03].

Đối với học sinh thuộc diện nhận thức chậm, có khó khăn trong học tập thì phân công cho GVCN phối hợp cùng GVBM theo dõi, động viên, thường xuyên liên lạc với phụ huynh để phối hợp giúp đỡ học sinh. GVBM phụ đạo giúp học sinh ôn tập kiến thức, rèn luyện kỹ năng để đạt chuẩn quy định. Tuy nhiên vẫn còn nhiều phụ huynh chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình, nhiều em chưa cố gắng học [H5-5.1-04].

Đối với các bộ môn năng khiếu, TDTT, nhà trường chọn giáo viên có tay nghề, có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy chịu trách nhiệm lập danh sách và bồi dưỡng học sinh theo đội tuyển ứng mỗi mỗi bộ môn [H5-5.2-01].

Lập sổ theo dõi đối với học sinh khuyết tật hòa nhập. Phối hợp với phụ huynh giúp đỡ học sinh phát triển năng lực thu hẹp khoảng cách trong kết quả học tập so với học sinh thông thường [H1-1.6-13].

c) Cuối mỗi năm học thông qua kết quả 2 mặt giáo dục, các kỳ thi học sinh giỏi, hội khỏe phù đổng các cấp, các cuộc thi văn thể mỹ... làm căn cứ để nhà trường đánh giá hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Từ đó báo cáo tổng kết, rút kinh nghiệm để thực hiện hoạt động giáo dục cho những đối tượng này hiệu quả hơn [H1-1.1-04].

Mức 2:

Hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. Kết quả thể hiện qua thành tích HSG các cấp tăng dần hằng năm và đạt tỷ lệ cao so với toàn quận; số lượng học sinh yếu kém toàn trường trong nhiều năm đều ở mức thấp, nằm trong mức chỉ tiêu đề ra. Đối với các hoạt động năng khiếu văn thể mỹ đạt thứ hạng cao nhiều năm liền [H1-1.1-04]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Mức 3:

Hằng năm nhà trường đều có học sinh có học sinh giỏi, học sinh đạt các thành tích cao trong các hoạt động năng khiếu, thể dục thể thao cấp quận, cấp thành phố và cấp quốc gia [H5-5.2-02]; [H1-1.2-06]; [H5-5.2-03].

Năm học	Cấp quận	Cấp thành phố	Cấp quốc gia
2016 – 2017	56	07	01
2017 – 2018	101	11	00
2018 - 2019	71	24	02
2019 – 2020	66	27	02
2020 - 2021	60	32	10

2. Điểm mạnh

Trong nhiều năm qua**,** cán bộ quản lý nhà trường luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo yếu kém. Vì thế chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao qua kết quả năm học, học sinh giỏi cấp Quận, cấp TP và các danh hiệu thành tích về phong trào TDTT, Đoàn đội… đã đạt được.

3. Điểm yếu

Còn khó khăn trong công tác vận động phụ huynh và học sinh có hoàn cảnh khó khăn quan tâm, tham gia hỗ trợ việc phụ đạo, rèn học sinh yếu kém.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục quan tâm đến công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo yếu kém để ngày càng nâng cao chất lượng giáo dục.

Đầu các năm học cán bộ quản lý phải rà soát, phân công những giáo viên có kinh nghiệm phụ trách giảng dạy, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, có chế độ khen thưởng phù hợp để khích lệ giáo viên và học sinh tham gia.

Giao các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn kết hợp với Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên theo dõi, động viên giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập, học sinh khuyết tật hòa nhập để có những hỗ trợ kịp thời.

Giáo viên chủ nhiệm phải thường xuyên theo dõi, bám sát phát hiện những thay đổi cả tích cực và tiêu cực của học sinh, liên lạc với cha, mẹ học sinh để phối hợp giáo dục có như vậy mới đem lại hiệu quả.

Tiếp tục vận động duy trì quỹ khen thưởng để động viên khen thưởng kịp thời các cá nhân tập thể đạt thành tích trong các hoạt động dạy, học và hoạt động phong trào.

5. **Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo kế hoạch đề ra, theo các quy định tại Công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp trung học cơ sở năm học 2014-2015. Nội dung giáo dục địa phương được tổ chức giảng dạy thành các tiết quy định trong phân phối chương trình đối với các môn: Lịch sử, Địa lý và lồng ghép vào nội dung bài học đối với các môn học khác [H1-1.4-03]; [H1-1.6-15]; [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]; [H5-5.3-01].

b) Thực hiện theo kế hoạch nhà trường, tổ chuyên môn chỉ đạo giáo viên môn Lịch sử, Địa lí tiến hành đánh giá, kiểm tra nội dung giáo dục địa phương trong quá trình giảng dạy với hình thức phù hợp, đảm bảo khách quan và đạt hiệu quả giáo dục [H1-1.4-09]; [H1-1.4-10]; [H5-5.1-01].

c) Qua hoạt động tự kiểm tra của tổ chuyên môn và nhà trường, công tác kiểm tra, đánh giá của cấp trên hằng năm, nhà trường đã thực hiện việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương. Tuy nhiên tài liệu giảng dạy cho giáo viên và tài liệu tham khảo cho học sinh về nội dung giáo dục địa phương còn ít [H1-1.1-04].

Mức 2:

Trong quá trình giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, mặc dù tài liệu giảng dạy cho giáo viên và tài liệu tham khảo cho học sinh về nội dung giáo dục địa phương còn ít nhưng các nội dung giáo dục địa phương được thực hiện đầy đủ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. Đặc biệt, trong nội dung giáo dục địa phương về lịch sử, văn hóa, địa lí kinh tế - xã hội của địa phương đã bồi đắp thêm cho học sinh tình yêu quê hương, tự hào về truyền thống quê hương mình, nhất là đối với các giá trị lịch sử, văn hóa. Các em học sinh tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ tại địa phương; giữ gìn vệ sinh môi trường, nhất là việc chăm sóc, gìn giữ các di tích lịch sử văn hóa.

Trong mỗi năm học, nhà trường kết hợp với tổ Sinh học, Sử - Địa – GDCD tổ chức hoạt động ngoại khóa tại Bảo tàng, Khu công nghệ cao của Thành phố Hồ Chí Minh, vùng miền tây cho HS toàn trường tham quan học tập, mục đích giúp cho học sinh tìm hiểu thêm về địa lý, lịch sử và văn hóa các địa phương [H2-2.2-04]; [H1-1.6-14].

2. Điểm mạnh

Các nội dung giáo dục địa phương của nhà trường được thực hiện đầy đủ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. Giáo dục về lịch sử, văn hóa, địa lí kinh tế - xã hội của địa phương đã bồi đắp thêm cho học sinh tình yêu quê hương, tự hào về địa phương mình, nhất là đối với các giá trị lịch sử, văn hóa như lễ hội, làng hoa truyền thống.

3. Điểm yếu

Việc cập nhật tài liệu nội dung giáo dục địa phương hằng năm còn chưa thường xuyên; tài liệu giảng dạy cho giáo viên và tài liệu tham khảo cho học sinh về nội dung giáo dục địa phương còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo, tổ chuyên môn dựa trên góp ý của giáo viên đề xuất mua bổ sung thêm tài liệu cần thiết, tài liệu mới về nội dung giáo dục địa phương. Giáo viên thực hiện việc cập nhật, làm phong phú thêm nội dung về giáo dục địa phương và cần đa dạng hóa hơn nữa các hình thức giáo dục để gắn lí luận với thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, tùy theo điều kiện từng năm mà cán bộ quản lý nhà trường lên kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp, đảm bảo yêu cầu định hướng về nội dung theo quy định tại Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT quy định về chương trình giáo dục phổ thông [H1-1.8-01]; [H1-1.8-04]; [H1-1.8-10].

b) Cán bộ quản lý triển khai cho giáo viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, đưa các tiết trải nghiệm vào chương trình giảng dạy. Chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong giảng dạy ở 14 bộ môn. Đầu năm, nhóm bộ môn lên lịch hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường được tổ chức ở các bộ môn.

Nhà trường tổ chức thực hiện hoạt động, tiết trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch cụ thể của từng bộ môn. Tùy vào tình hình thực tế mỗi năm, nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia tiết học ngoài nhà trường tại Thảo Cầm Viên, khu sinh thái, khu công nghệ cao… Ngoài ra nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp, thành lập các câu lạc bộ đội nhóm…. hoạt động theo định hướng hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm sáng tạo [H2-2.2-04]; [H5-5.4-01].

Phân công giáo viên tổ chức các buổi hướng nghiệp cho học sinh, phối hợp với các trường Cao đẳng, Trung cấp giáo dục hướng nghiệp các ngành nghề cho học sinh khối 9 phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

giúp các em định hướng được nghề nghiệp sau khi tốt học trung học cơ sở [H2-2.2-05].

Phối hợp với Trung tâm kỹ thuật hướng nghiệp quận Gò Vấp tổ chức dạy nghề phổ thông cho học sinh lớp 8 tại trường với nhiều nghề khác nhau phù hợp nới điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như tin học, thủ công mỹ nghệ, điện… tùy theo điều kiện, năng lực của từng học sinh để các em lựa chọn học tập. Phân công giáo viên thực hiện các buổi hướng nghiệp cho học sinh khối 9 theo kế hoạch nhà trường [H2-2.2-05].

c) Hiệu trưởng nhà trường phân công, huy động giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với học sinh phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường trong từng đợt tổ chức [H2-2.2-04]; [H2-2.2-05].

Mức 2:

a) Nhà trường tiến hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong hoặc ngoài nhà trường: tại vườn sinh vật Thảo Cầm Viên, Khu sinh thái, khu công nghệ cao... Hoạt động hướng nghiệp: Phối hợp với các trường Cao Đẳng, Trung cấp nghề tư vấn nghề nghiệp cho học sinh, tổ chức cho các em tham quan các trường dạy nghề... Qua các hoạt động giúp các em có thêm kỹ năng sống, có định hướng chọn lựa nghề nghiệp phù hợp cho tương lai. Tuy nhiên vẫn còn nhiều học sinh chưa nhiệt tình tham gia các hoạt động trải nghiệm bên ngoài nhà trường [H2-2.2-04]; [H5-5.4-01].

b) Hằng năm, nhà trường có đánh giá nhưng chưa tiến hành rà soát tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, rút kinh nghiệm trong quá trình tiến hành [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm và hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh hằng năm. Học sinh của trường được tham gia học các

nghề phổ thông phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài ra trường thực hiện đầy đủ các chủ đề hướng nghiệp theo quy định, điều đó góp phần làm cơ sở để thực hiện tốt hơn công tác tư vấn phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

3. Điểm yếu

Một số ít học sinh chưa nhiệt tình tham gia trong các hoạt động trải nghiệm bên ngoài nhà trường. Cán bộ quản lý có đánh giá nhưng chưa tiến hành rà soát tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, rút kinh nghiệm tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm các lớp cần làm tốt công tác tư vấn, tuyên truyền ý nghĩa về tầm quan trọng của việc học tập thực tế, trải nghiệm hướng nghiệp; tiến hành rà soát tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, rút kinh nghiệm tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng tiếp thu, nhận thức học tập của học sinh, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương [H1-1.8-01]; [H1-1.8-05].

b) Việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường, ngoài việc lồng ghép vào các môn học hằng ngày, hoạt động ngoài giờ lên lớp là một trong những con đường giáo dục có hiệu quả trong việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật dưới sân cờ để trang bị những kiến thức pháp luật có liên quan đến đời sống, học tập của học sinh góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; mời báo cáo viên tuyên truyền luật giao thông cho học sinh để từ đó giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông, cách tự phòng tránh tai nạn giao thông. Đặc biệt các em đã hưởng ứng tốt việc chấp hành luật giao thông và tham gia thi An toàn giao thông đạt kết quả cao. Nhà trường tổ chức dạy kỹ năng sống, tuyên truyền phòng chống thiên tai rủi ro cho học sinh để giúp các em phòng chống đuối nước và các tai nạn thương tích khác; mời báo các viên tuyên truyền, tập huấn về phòng cháy chữa cháy thoát nạn khi xảy ra cháy nhằm nâng cao sự hiểu biết, ý thức và kỹ năng phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn cho học sinh ... [H1-1.8-01]; [H1-1.8-05]; [H1-1.8-03]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

c) Xây dựng và hoàn thiện các quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường, bằng nhiều hình thức khác nhau, tổ chức cho các em đi tham quan các di tích lịch sử ở địa phương tham gia các hoạt động dọn vệ sinh bảo vệ môi trường, tổ chức

các hoạt động quyên góp ủng hộ bạn nghèo, bạn bị bệnh nặng ... Đồng thời xây dựng tinh thần chia sẻ, ý thức trách nhiệm cho các em. Việc chú trọng giáo dục kỹ năng sống của nhà trường thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, dạy kỹ năng sống theo các chủ đề khác nhau đã giúp học sinh hình thành và phát triển tinh thần đoàn kết, gắn bó, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, học sinh nỗ lực tiếp thu bài giảng và tìm tòi những kiến thức liên quan đến bài học để liên hệ áp dụng vào thực tiễn, qua đó phát huy tình cảm thái độ ứng xử của học sinh phù hợp với những truyền thống văn hóa Việt Nam [H1-1.8-05]; [H1-1.6-14]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống học sinh sẽ tự hình thành kỹ năng tự kiểm tra đánh giá: xác định được mục tiêu, nội dung bài học; xác định các nội dung liên quan trong các tài liệu tham khảo, tái hiện những kiến thức liên quan đã được nghe giảng; xây dựng dàn ý bài học; làm bài tập theo yêu cầu; rất nhiều em dự kiến các câu hỏi và trả lời; trình bày trước nhóm (lớp), trao đổi thảo luận với bạn bè; kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp, biết tự đánh giá hiệu quả công việc mà mình đã thực hiện [H1-1.6-14]; [H5-5.1-01].

b) Học sinh biết cách giao tiếp ứng xử biết điều chỉnh, quản lý cảm xúc trong môi trường học đường, với bố mẹ, người lớn tuổi; có thể tự phục vụ bản thân trong cuộc sống, biết quản lý thời gian học tập và sinh hoạt có hiệu quả [H1-1.6-14]; [H5-5.1-01].

Mức 3:

Thông qua các hoạt động giáo dục Kỹ năng sống một số học sinh bước đầu có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên tuy là số lượng chưa nhiều. Theo sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh đã tham gia làm các mô hình đồ dùng dạy học tại trường, tham gia các hội thi như Sáng tạo trẻ, Robotacon, Tin học trẻ... và đạt được thành tích: Giải Robotacon cấp thành phố, giải nghiên cứu khoa học cấp thành phố [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các tiết học kỹ năng sống, các tiết học trải nghiệm sáng tạo trong và ngoài nhà trường. Học sinh từng bước có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

3. Điểm yếu

Học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng chuyên môn tiếp tục duy trì thực hiện các tiết giáo dục kỹ năng sống, chỉ đạo nhóm bộ môn thực hiện lồng ghép giáo dục pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Phó Hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo các nhóm bộ môn thành lập các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm tạo điều kiện cho nhiều học sinh có cơ hội vận dụng kiến thức khoa học đã học vào thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1 :

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Năm học	Chỉ tiêu			Kết quả đạt được		
	HL Khá – Giỏi	Lên lớp thẳng	HK Tốt – Khá	HL Khá – Giỏi	Lên lớp thẳng	HK Tốt – Khá
2016-2017	70,00 %	96,00 %	98,00%	73,06 %	95,13 %	97,30%
2017-2018	70,00 %	96,00 %	98,00%	69,73 %	95,58 %	99,94%
2018-2019	70,00 %	96,00 %	98,00%	74,52 %	97,59 %	99,56%
2019-2020	70,00 %	96,00 %	98,00%	80,20 %	98,08 %	99,81%
2020-2021	70,00 %	96,00 %	98,00%	76,00%	96,08 %	99,72%

[H1-1.1-04]; [H1-1.4-03]; [H5-5.2-01]

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Năm học	Chỉ tiêu		Kết quả đạt được	
	Lên lớp cuối năm	Tốt nghiệp THCS	Lên lớp cuối năm	Tốt nghiệp THCS
2016-2017	96,00%	100%	96,83%	100%
2017-2018	96,00%	100%	98,38%	100%
2018-2019	96,00%	100%	98,62%	100%
2019-2020	96,00%	100%	99,52%	100%
2020-2021	96,00%	100%	98,63%	100%

[H1-1.1-04]; [H1-1.4-03]; [H5-5.2-01]

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Số học sinh	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Tốt nghiệp THCS	507	513	449	469	472
ĐK dự thi tuyển sinh 10	440	430	363	399	395
Trúng tuyển	355	267	257	253	278
Tỷ lệ HS trúng tuyển	80,68%	62,09%	70,80%	63,41%	70,38%
Học THPT dân lập - học nghề	152	246	192	216	194

Tỷ lệ học THPT dân lập - học nghề	29,98%	47,95%	42,76%	46,06%	41,10%

[H5-5.6-01]

Mức 2 :

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.1-04]; [H5-5.2-01]

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.[H1-1.1-04]; [H5-5.2-01]

		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Học lực	Khá - Giỏi	73,06%	69,73%	71,52%	80,20%	76,00%
	Tb	22,07%	25,85%	22,28%	17,89%	20,08%
	Yếu - Kém	4,87%	4,42%	3,20%	1,91%	3,92%
Hạnh Kiểm	Khá - Tốt	97,30%	99,94%	99,56%	99,81%	99,76%
	Tb	1,70%	0,05%	0,44%	0,19%	0,24%
Lên lớp thẳng		95,13%	95,58%	97,59%	98,08%	96,08%
Lên lớp sau khi thi lại		96,83%	98,38%	98,62%	99,52%	98,63
Hoàn thành TN.THCS		100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Mức 3 :

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường trên 10%; khá: trên 35%; yếu kém không quá 5% .

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở

Xếp loại		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Học lực	Giỏi	37,65%	35,18%	35,98%	41,75%	37,83%
	Khá	35,41%	34,55%	38,54%	38,45%	38,17%
	Tb	22,07%	25,85%	22,28%	17,89%	20,08%
	Yếu	3,60%	4,13%	2,86%	1,77%	3,40%
	Kém	1,27%	0,29%	0,34%	0,14%	0,52%
Hạnh kiểm	Tốt	85,56%	89,63%	89,75%	90,96%	90,51%
	Khá	11,74%	10,31%	9,81%	8,85%	9,26%
	Tb	1,70%	0,05%	0,44%	0,19%	0,24%

[H1-1.1-04]; [H5-5.2-01].

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban.

Tỷ lệ HS	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Lưu ban	3,17%	1,62%	1,38%	0,48%	1,37%
Bỏ học	0,49%	0,74%	1,72%	0,96%	1,51%

[H1-1.1-04]; [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Hằng năm hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường đối với tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp trung học cơ sở luôn đạt cao. Nhà trường không có tỷ lệ học sinh bỏ học đáp ứng được mục tiêu giáo dục.

Tỷ lệ học sinh khá giỏi khá cao, đạt được chỉ tiêu đăng ký thi đua hằng năm. Chất lượng giáo dục hằng năm của nhà trường ngày càng ổn định và được nâng cao đã tạo nên sự tin tưởng của chính quyền địa phương và phụ huynh học sinh.

Nề nếp kỷ luật học sinh tốt, xếp loại hạnh kiểm học sinh đạt khá - tốt cao. Trong nhiều năm qua nhà trường đã thực hiện tốt việc giáo dục đạo đức cho học sinh, đa số học sinh chăm, ngoan, lễ phép, tự giác thực hiện nội quy nhà trường. Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá và tốt cao.

3. Điểm yếu

Vẫn còn học sinh đạt hạnh kiểm trung bình và yếu kém trong học tập do lười học và thiếu sự chăm sóc của gia đình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm kết hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong việc theo dõi học tập, giáo dục đạo đức, nâng cao ý thức tự giác học tập cho học sinh. Bên cạnh đó, tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có thế mạnh về công tác tổ chức, đã kết hợp thực hiện chương trình giáo dục năm học với học tập trải nghiệm đúng tiêu chí: Học đi đôi với hành, tích hợp liên môn, học không gian mở… xây dựng các phòng bộ môn và câu lạc bộ: Stem, robot, dạy toán robot, âm nhạc, tâm lý học đường, học thuật, thư viện di động...

Trong nhiều năm qua**,** cán bộ quản lý nhà trường luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo yếu kém. Vì thế chất lượng giáo dục ngày

càng được nâng cao qua kết quả năm học, học sinh giỏi cấp Quận, cấp TP và các danh hiệu thành tích về phong trào TDTT, Đoàn - Đội...

Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm và hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh hằng năm. Học sinh của trường được tham gia học các nghề phổ thông phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài ra trường thực hiện đầy đủ các chủ đề hướng nghiệp theo quy định, điều đó góp phần làm cơ sở để thực hiện tốt hơn công tác tư vấn phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

Điểm yếu cơ bản:

Việc thực hiện đổi mới dạy học ở một số bộ môn chưa khai thác triệt để công năng các phòng bộ môn và câu lạc bộ vào tiết dạy.

Vẫn còn học sinh đạt hạnh kiểm trung bình và yếu kém trong học tập do lười học và thiếu sự chăm sóc của gia đình

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 1: 6/6 tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 2: 3/6 tiêu chí

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu về mức 3: 0/4 tiêu chí

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Việc tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục là điều cần thiết của các trường học nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục. Theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp, Trường THCS Lý Tự Trọng đã tổ chức thực hiện việc báo cáo tự đánh giá tại đơn vị. Kết quả tự đánh giá của nhà trường như sau:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

-Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 28/28 - Tỉ lệ: 100%

-Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/28 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

-Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 17/28 - Tỉ lệ: 60,71%

-Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 11/28 - Tỉ lệ: 39,28%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

-Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 0/20 - Tỉ lệ: 0%

-Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 20/20 - Tỉ lệ: 100%

Mức đánh giá của nhà trường là: Mức 1

Căn cứ kết quả báo cáo tự đánh giá, Trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng sẽ rút ra bài học kinh nghiệm về công tác quản lý, điều hành đơn vị cũng như trong quá trình tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường. Từ đó, nhà trường sẽ xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn mới phù hợp, khả thi và hiệu quả hơn./.

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ: 1

Quận Gò Vấp, ngày 30 tháng 07 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Dương Hữu Đức

Phần IV.PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển Trường THCS Lý Tự Trọng	Giai đoạn 2015 – 2020 Giai đoạn 2020 – 2025	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.1-02]	Định hướng phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2020 – 2025)	Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025	Đảng bộ quận Gò Vấp	
	3	[H1-1.1-03]	Cổng thông tin điện tử	https://thcslytutrong.hcm.edu.vn/	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.1-04]	Báo cáo tổng kết	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.1-05]	Biên bản rà soát chiến	Năm học 2017 – 2018	Hiệu trưởng	

			lược	Năm học 2020 – 2021		
	6	[H1-1.1-06]	Biên bản họp Hội đồng trường	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Thư ký hội đồng	
	7	[H1-1.1-07	Biên bản họp HĐSP	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Thư ký hội đồng	
Tiêu chí 1.2	8	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập hội đồng trường	Số 5549/QĐ-GDĐT, ngày 31/12/2019 Số 947/QĐ-GDĐT, ngày 10/11/2016	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp	
	9	[H1-1.2-02]	Quyết định phân công, phân nhiệm	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Tổ trưởng tổ Văn phòng	
	10	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội	Năm học 2016 – 2017	Phòng Giáo dục	

			đồng tuyển sinh đầu cấp	Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	và Đào tạo quận Gò Vấp	
	11	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng xét TN. THCS	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp	
	12	[H1-1.2-05]	Kế hoạch hoạt động Hội đồng trường	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng	
	13	[H1-1.2-06]	Hồ sơ thi đua khen thưởng	Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng	
	14	[H1-1.2-07]	Hồ sơ tuyển sinh	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Nhân viên học vụ	

	15	[H1-1.2-08]	Hồ sơ xét tốt nghiệp THCS	Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Nhân viên văn thư Nhân viên vi tính	
	16	[H1-1.2-09]	Hồ sơ chấm SKKN	Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng	
	17	[H1-1.2-10]	Hồ sơ hủy Hóa đơn	Năm học 2019 – 2020	Kế toán	
Tiêu chí 1.3	18	[H1-1.3-01]	Quyết định chủ tịch Công đoàn cơ sở	28/QĐ-TV ngày 12 tháng 5 năm 2020	Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp	
	19	[H1-1.3-02]	Quyết định công nhận ban chấp hành công đoàn cơ sở	89/QĐ-PGDĐT ngày 17 tháng 11 năm 2017	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp	
	20	[H1-1.3-03]	Quyết định chuẩn y nhân sự ban chấp hành chi đoàn Trường THCS Lý Tự Trọng	Năm học 2016 - 2017: QĐ số 78 - QĐ/ĐTN Ngày 05/12/2016 của BCH Đoàn phường 16. Năm học 2017 - 2018: QĐ số 34 - QĐ/ĐTN Ngày 12/10/2017 của BCH Đoàn phường 16. Năm học 2018 - 2019: QĐ số 65 - QĐ/ĐTN Ngày 11/11/2018 của BCH Đoàn phường 16. Năm học 2019 - 2020: QĐ số 67 -	BCH Đoàn Phường 16	

				QĐ/ĐTN Ngày 08/01/2019 của BCH Đoàn phường 16. Năm học 2020 - 2021: QĐ số 103 - QĐ/ĐTN Ngày 11/01/2020 của BCH Đoàn phường 16.		
	21	[H1-1.3-04]	Quyết định bổ nhiệm Tổng phụ trách Đội	Số 737/QĐ-PGDĐT ngày 01/12/2011	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp	
	22	[H1-1.3-05]	Quyết định công nhận Ban Chỉ Huy Liên Đội THCS Lý Tự Trọng	47-QĐ/HĐĐ ngày 12/11/2020 57-QĐ/HĐĐ ngày 10/12/2019	Hội Đồng Đội quận Gò Vấp	
	23	[H1-1.3-06]	Kế hoạch hoạt động Công đoàn	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Chủ tịch Công đoàn Ban chấp hành	
	24	[H1-1.3-07]	Kế hoạch hoạt động Chi Đoàn	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Bí thư Chi Đoàn Ban chấp hành	
	25	[H1-1.3-08]	Kế hoạch hoạt động Liên Đội	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Tổng phụ trách Đội	

	26	[H1-1.3-09]	Báo cáo đánh giá xếp loại hoạt động Công đoàn	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Chủ tịch Công đoàn Ban chấp hành	
	27	[H1-1.3-10]	Hồ sơ kiểm tra đánh giá hoạt động Chi đoàn	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Bí thư Chi Đoàn Ban chấp hành	
	28	[H1-1.3-11]	Hồ sơ kiểm tra đánh giá hoạt động Đội	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Tổng phụ trách Đội	
	29	[H1-1.3-12]	Quyết định chuẩn y cấp ủy Chi bộ Trường THCS Lý Tự Trọng	314/QĐ-ĐU ngày 10 tháng 01 năm 2020	Đảng ủy Phường 16	
	30	[H1-1.3-13]	Sổ Nghị quyết Chi bộ	Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019	Chi ủy viên chi bộ	
	31	[H1-1.3-14]	Hồ sơ đánh giá tổ chức cơ	Năm 2015	Bí thư chi bộ	

			sở Đảng	Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019		
	32	[H1-1.3-15]	Thông báo đánh giá chi bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Năm 2016 Năm 2017 Năm 2019 Năm 2020	Đảng ủy Phường 16	
	33	[H1-1.3-16]	Giấy khen CĐCS hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong hoạt động công đoàn	Năm học 2015 - 2016: 28/QĐ-TK ngày 19 tháng 9 năm 2016 của LĐLĐ Quận Gò Vấp Năm học 2016 - 2017: 40/QĐ-TK ngày 06 tháng 9 năm 2017 của LĐLĐ Quận Gò Vấp Năm học 2017 - 2018: 32/QĐKT-LĐLĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 của LĐLĐ Quận Gò Vấp Năm học 2018 - 2019: 29/QĐKT-LĐLĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 của LĐLĐ Quận Gò Vấp Năm học 2019 - 2020: 25/QĐKT-LĐLĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 của LĐLĐ Quận Gò Vấp	Liên Đoàn Lao động quận Gò Vấp	

	34	[H1-1.3-17]	Giấy khen - Bằng khen Liên Đội hoàn thành xuất sắc công tác Đội và phong trào thiếu nhi	Năm học 2015 - 2016: 291-QĐKT/TĐTN-VP Ngày 19/07/2016 của Thành Đoàn TP. HCM. Năm học 2016 - 2017: Quyết định số 23-QĐ/ĐTN-BTC Ngày 24/08/2017 của Quận Đoàn Gò Vấp. Năm học 2017 - 2018: Quyết định số 89 -QĐ/ĐTN-BTC Ngày 20/4/2018 của Quận Đoàn Gò Vấp. Năm học 2018 - 2019: Quyết định số: 3320 – QĐ/UBND Ngày 12/9/2019 của UBND quận Gò Vấp. Năm học 2019 - 2020: Quyết định số 3463/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 09 năm 2020 của UBND quận Gò Vấp. Năm học 2019 - 2020: Quyết định số 290 –QĐKT/TĐTN –VP Ngày 28/09/2020 của Thành Đoàn TP. HCM.	Thành Đoàn Tp.HCM Quận Đoàn Gò Vấp Thành Đoàn Tp.HCM	
	35	[H1-1.4-03]	Kế hoạch năm học	Năm học 2016 – 2020	Hiệu trưởng	
	36	[H1-1.4-04]	Kế hoạch tổ chuyên môn	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu Trưởng Tổ trưởng chuyên môn	
	37	[H1-1.4-05]	Kế hoạch hoạt động thiết	Năm học 2016 – 2017	Phó Hiệu Trưởng	

Tiêu chí 1.4			bị	Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên quản lý thiết bị	
	38	[H1-1.4-06]	Kế hoạch hoạt động thư viện	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu Trưởng Giáo viên quản lý thư viện	
	39	[H1-1.4-07]	Kế hoạch y tế	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên y tế	
	40	[H1-1.4-08]	Báo cáo chuyên đề	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng Tổ trưởng chuyên môn	
	41	[H1-1.4-09]	Biên bản họp tổ	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Tổ trưởng chuyên môn	
	42	[H1-1.4-10]	Biên bản họp nhóm	Năm học 2016 – 2017	Tổ trưởng, nhóm	

				Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	trưởng chuyên môn	
	43	[H1-1.4-11]	Báo cáo sơ kết.	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.5	44	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên học vụ	
	45	[H1-1.5-02]	Sổ gọi tên ghi điểm	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên học vụ	
	46	[H1-1.5-03]	Danh sách học sinh	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020	Phó Hiệu Trưởng Nhân viên học vụ	

				Năm học 2020 – 2021		
	47	[H1-1.5-04]	Sổ chủ nhiệm	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Giáo viên chủ nhiệm	
Tiêu chí 1.6	48	[H1-1.6-01]	Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên học vụ	
	49	[H1-1.6-02]	Thống kê công tác PCGD	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên học vụ	
	50	[H1-1.6-03]	Sổ ghi đầu bài	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên học vụ	
	51	[H1-1.6-04]	Học bạ học sinh	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020	Nhân viên học vụ	

				Năm học 2020 – 2021		
	52	[H1-1.6-05]	Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên học vụ	
	53	[H1-1.6-06]	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Tổ trưởng tổ Văn phòng	
	54	[H1-1.6-07]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến	Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020	Nhân viên văn thư	
	55	[H1-1.6-08]	Sổ quản lý tài sản	Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020	Nhân viên kế toán	
	56	[H1-1.6-09]	Sổ quản lý thiết bị giáo dục	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020	Nhân viên quản lý thiết bị	

				Năm học 2020 – 2021		
	57	[H1-1.6-10]	Sổ quản lý tài chính	Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020	Nhân viên kế toán	
	58	[H1-1.6-11]	Hồ sơ quản lý thư viện	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên quản lý thư viện	
	59	[H1-1.6-12]	Hồ sơ theo dõi sức khoẻ học sinh	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên y tế	
	60	[H1-1.6-13]	Hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật	Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu Trưởng Nhân viên học vụ Giáo viên	
	61	[H1-1.6-14]	Giáo án	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng Giáo viên	

	62	[H1-1.6-15]	Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng Giáo viên	
	63	[H1-1.6-16]	Sổ dự giờ	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng Giáo viên	
	64	[H1-1.6-17]	Sổ điểm cá nhân	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng Giáo viên	
	65	[H1-1.6-18]	Hồ sơ quản lý thu chi	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Nhân viên kế toán	
	66	[H1-1.6-19]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020	Hiệu trưởng Nhân viên kế toán	

	67	[H1-1.6-20]	Báo cáo công khai tài chính	Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020	Nhân viên kế toán	
	68	[H1-1.6-21]	Hồ sơ theo dõi sửa chữa CSVC	Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng Nhân viên kế toán	
	69	[H1-1.6-22]	Báo cáo quyết toán	Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020	Nhân viên kế toán	
	70	[H1-1.6-23]	Phần mềm IMAS	Năm 2020	Nhân viên kế toán	
	71	[H1-1.6-24]	Phần mềm SMAS	Năm 2020	Nhân viên vi tính	
	72	[H1-1.6-25]	Phần mềm EPMIS	Năm 2020	Nhân viên văn thư	
	73	[H1-1.6-26]	Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc	Năm 2020	Nhân viên văn thư	
Tiêu chí 1.7	74	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng	
	75	[H1-1.7-02]	Kế hoạch đào tạo bồi	Năm học 2018 – 2019	Phó Hiệu trưởng	

			dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021		
	76	[H1-1.7-03]	Bảng phân công chuyên môn	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.8	77	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng	
	78	[H1-1.8-02]	Kế hoạch tổ chức dạy 2 buổi / ngày	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng	
	79	[H1-1.8-03]	Kế hoạch giáo dục NGLL	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng	
	80	[H1-1.8-04]	Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng	

	81	[H1-1.8-05]	Kế hoạch tổ chức dạy kỹ năng sống	Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng	
	82	[H1-1.8-06]	Kế hoạch tổ chức dạy năng khiếu tự chọn	Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng	
	83	[H1-1.8-07]	Kế hoạch tổ chức dạy tự chọn	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng	
	84	[H1-1.8-08]	Kế hoạch tổ chức dạy tiếng anh với người nước ngoài	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng	
	85	[H1-1.8-09]	Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng	
	86	[H1-1.8-10]	Kế hoạch giáo dục hướng nghiệp	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng	
	87	[H1-1.8-11]	Kế hoạch tháng	Năm học 2016 – 2017	Hiệu trưởng	

				Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó hiệu trưởng	
	88	[H1-1.8-12]	Kế hoạch kiểm tra nội bộ	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng Tổ trưởng tổ Văn phòng	
	89	[H1-1.8-13]	Biên bản kiểm tra nội bộ	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	
	90	[H1-1.8-14]	Biên bản cấp trên kiểm tra	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.9	91	[H1-1.9-01]	Văn kiện Hội nghị Cán bộ, Công chức, Người lao động	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng BCH công đoàn	
	92	[H1-1.9-02]	Hồ sơ giải quyết khiếu nại	Năm học 2016 – 2017	Hiệu trưởng	

			tố cáo	Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	BCH công đoàn Ban TTND	
	93	[H1-1.9-03]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Chủ tịch công đoàn	
	94	[H1-1.9-04]	Hồ sơ Ban thanh tra Nhân dân	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Ban thanh tra nhân dân	
	95	[H1-1.9-05]	Bảng 3 công khai	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu Trưởng Nhân viên học vụ	
	96	[H1-1.9-06]	Bảng tin nhà trường	Năm 2021	Nhân viên học vụ	
Tiêu chí 1.10	97	[H1-1.10-01]	Kế hoạch phòng chống tai nạn, ma túy, HIV/AIDS	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Tổng phụ trách	

	98	[H1-1.10-02]	Kế hoạch "xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích"	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng	
	99	[H1-1.10-03]	Kế hoạch thực hiện trật tự an toàn giao thông trường học	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng	
	100	[H1-1.10-04]	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng	
	101	[H1-1.10-05]	Hồ sơ thực hiện công tác bán trú	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng	
	102	[H1-1.10-06]	Sổ tiếp xúc nhân dân	Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng	
	103	[H1-1.10-07]	Sổ theo dõi tình hình học	Năm học 2019 – 2020	Giám thị	

			sinh	Năm học 2020 – 2021		
Tiêu chí 2.1	104	[H2-2.1-01]	Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường THCS Lý Tự Trọng	Số 3373/QĐ-UBND ngày 29/8/2018	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	
	105	[H2-2.1-02]	Quyết định điều động, bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường THCS Lý Tự Trọng	Số 3307/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 Số 3754/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	
	106	[H2-2.1-03]	Hồ sơ cá nhân	Năm 2020	Hiệu trưởng Nhân viên văn thư	
	107	[H2-2.1-04]	Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Nhân viên văn thư	
Tiêu chí 2.2	108	[H2-2.2-01]	Sổ đăng bộ giáo viên	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên văn thư	
	109	[H2-2.2-02]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng Nhân viên văn thư	

				Năm học 2020 – 2021		
	110	[H2-2.2-03]	Báo cáo EMIS	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên học vụ	
	111	[H2-2.2-04]	Hồ sơ hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó hiệu trưởng Giáo viên	
	112	[H2-2.2-05]	Hồ sơ giáo dục hướng nghiệp	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.3	113	[H2-2.3-01]	Hồ sơ đánh giá công chức, viên chức	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Nhân viên văn thư	
	114	[H2-2.3-02]	Hợp đồng lao động	Năm học 2016 – 2017	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.4	115	[H2-2.4-01]	Bảng tổng hợp kết quả, đánh giá xếp loại học sinh	Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2016 – 2017	Phó Hiệu trưởng Nhân viên học vụ	

	116	[H2-2.4-02]	Hồ sơ miễn giảm học phí	Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2016 – 2017	Nhân viên kế toán	
Tiêu chí 3.1	117	[H3-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng	Năm 2020	Hiệu trưởng	
	118	[H3-3.1-02]	Hình ảnh CSVC, cảnh quan trường học	Năm 2020	Tổng phụ trách	
Tiêu chí 3.2	119	[H3-3.2-01]	Biên bản kiểm tra y tế	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên y tế	
Tiêu chí 3.3	120	[H3-3.3-01]	Đề xuất sửa chữa, mua sắm	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2016 – 2017	Kế toán	
Tiêu chí 3.4	121	[H3-3.4-01]	Phiếu kiểm định nước sinh hoạt	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên y tế	
	122	[H3-3.4-02]	Hợp đồng cung cấp nước uống	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018	Hiệu trưởng Kế toán	

				Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021		
	123	[H3-3.4-03]	Hợp đồng thu gom rác	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Kế toán	
Tiêu chí 3.5	124	[H3-3.5-01]	Báo cáo bộ phận thiết bị	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên thiết bị	
	125	[H3-3.5-02]	Hóa đơn thanh toán phí internet	Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020	Kế toán	
	126	[H3-3.5-03]	Kế hoạch hoạt động thiết bị thực hành thí nghiệm	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên thiết bị	
	127	[H3-3.5-04]	Sổ theo dõi đồ dùng dạy học tự làm	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018	Nhân viên thiết bị	

				Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021		
Tiêu chí 3.6	128	[H3-3.6-01]	Sổ quản lý thư viện	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên thư viện	
	129	[H3-3.6-02]	Hình ảnh hoạt động thư viện	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên thư viện	
	130	[H3-3.6-03]	Sổ đăng ký thư viện	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên thư viện	
	131	[H3-3.6-04]	Sổ kinh phí thư viện	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên thư viện	
	132	[H3-3.6-05]	Biên bản kiểm kê thư viện	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018	Nhân viên thư viện	

				Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021		
	133	[H3-3.6-06]	Báo cáo bộ phận thư viện	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên thư viện	
	134	[H3-3.6-07]	Quyết định công nhận thư viện trường THCS và THPT đạt tiên tiến.	2428/QĐ-GDĐT-VP ngày 23/11/2017 2315/QĐ-GDĐT-VP ngày 21/10/2018 257/QĐ-GDĐT-VP ngày 05/02/2020	Sở GD&ĐT Tp. Hồ Chí Minh	
Tiêu chí 4.1	135	[H4-4.1-01]	Biên bản họp CMHS	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Ban Đại diện CMHS trường Nhân viên văn thư	
	136	[H4-4.1-02]	Hồ sơ Đại hội CMHS	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Ban Đại diện CMHS trường Nhân viên văn thư	
	137	[H4-4.1-03]	Biên bản họp BĐD CMHS	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020	Ban Đại diện CMHS trường Nhân viên văn thư	

				Năm học 2020 – 2021		
	138	[H4-4.1-04]	Kế hoạch hoạt động BĐD CMHS	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Ban Đại diện CMHS trường	
	139	[H4-4.1-05]	Báo cáo hoạt động BĐD CMHS	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng Ban Đại diện CMHS trường	
Tiêu chí 4.2	140	[H4-4.2-01]	Hình ảnh hoạt động Liên Đội	Năm 2017, 2018, 2019, 2020	Tổng phụ trách Đội	
	141	[H4-4.2-02]	Hình ảnh hoạt động Chi đoàn	Năm 2017, 2018, 2019, 2020	Bí thư Chi đoàn	
	142	[H4-4.2-03]	Báo cáo công tác dân vận	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Chi Ủy viên	
Tiêu chí 5.1	143	[H5-5.1-01]	Kế hoạch cá nhân	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019	Phó Hiệu trưởng Giáo viên	
	144	[H5-5.1-02]	Kế hoạch kiểm tra đánh giá học sinh	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng	

				Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019		
	145	[[H5-5.1-03]	Hồ sơ bồi dưỡng HSG	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019	Phó Hiệu trưởng Giáo viên	
	146	[H5-5.1-04]	Hồ sơ phụ đạo HS	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019	Phó Hiệu trưởng Giáo viên	
	147	[H5-5.1-05]	Hồ sơ dạy năng khiếu	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018	Phó Hiệu trưởng Giáo viên	
Tiêu chí 5.2	148	[H5-5.2-01]	Sổ thống kê học lực - hạnh kiểm	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Phó Hiệu trưởng Nhân viên học vụ	
	149	[H5-5.2-02]	Hồ sơ đơn vị tiên tiến TDTT	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019	Hiệu trưởng Tổ trưởng tổ Thể dục	

				Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021		
	150	[H5-5.2-03]	Danh hiệu TTLĐ Xuất sắc cấp thành phố NH: 2019 - 2020 Danh hiệu TTLĐ Xuất sắc cấp quận NH: 2019 - 2020 Thực hiện tốt công tác giáo dục phổ cập giai đoạn 2012-2020	1311/QĐ-KT Ngày 14/9/2020 2917/QĐ-UBND Ngày 07/8/2020 3650/QĐ-UBND Ngày 29/9/2020	UBND Tp.HCM UBND quận Gò Vấp UBND quận Gò Vấp	
Tiêu chí 5.3	151	[H5-5.3-01]	Tài liệu giảng dạy giáo dục địa phương.	Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Tổ trưởng chuyên môn Giáo viên	
Tiêu chí 5.4	152	[H5-5.4-01]	Hình ảnh tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Năm 2018, 2019, 2020, 2021	Phó Hiệu trưởng Giáo viên	
Tiêu chí 5.5	153	[H5-5.5-01]	Kế hoạch tuyên truyền	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018 Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Nhân viên y tế BCH Chi đoàn Tổng phụ trách Đội	
	154	[H5-5.5-02]	Hình ảnh hoạt động NGLL, Kỹ năng sống	Năm 2018, 2019, 2020	Tổng phụ trách Đội	
Tiêu chí 5.6	155	[H5-5.6-01]	Báo cáo tình hình phân luồng học sinh	Năm học 2016 – 2017 Năm học 2017 – 2018	Nhân viên học vụ	

				Năm học 2018 – 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021		